

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## **BẢN CÁO BẠCH**

### **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

*(Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt)*



### **NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Quyết định đăng ký niêm yết số ...../SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..... tháng ..... năm 2025)

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... / ... /2025 tại:*

#### **TỔ CHỨC NIÊM YẾT**



#### **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679      Fax: (028) 6263 8668

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000      Fax: (028) 7300 3751

#### **Phụ trách công bố thông tin:**

Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Tú

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 62 679 679

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05/2025*

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt)



#### NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số ...../SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... / ... /2025 tại:

#### TỔ CHỨC NIÊM YẾT



#### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679 Fax: (028) 6263 8668

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Tú  
Số điện thoại: (028) 62 679 679

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05/2025



# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt)

Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 62 679 679 Fax: (84-28) 6263 8668

## NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

|                           |                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên trái phiếu:</b>    | Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2024–2025 (Đợt 2)                                                                                                            |
| <b>Loại trái phiếu:</b>   | Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo, là Nợ thứ cấp và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo quy định pháp luật hiện hành; |
| <b>Mã chứng khoán:</b>    | BVB125003                                                                                                                                                               |
| <b>Thời điểm đáo hạn:</b> | 06/01/2031                                                                                                                                                              |
| <b>Lãi suất:</b>          | Lãi suất năm đầu tiên (lãi suất cố định): 8,2%/năm                                                                                                                      |

Lãi suất từ năm thứ 2 (lãi suất thả nổi): Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.

Trong đó:

- ✓ Lãi Suất Tham Chiếu: là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại quầy bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”) tại ngày xác định lãi suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân hàng tham chiếu đó đặt hội sở chính.
- ✓ Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo kể từ năm thứ 2 là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi và được thông báo trên Website của BVBank trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Xác

**Định Lãi Suất.**

|                                                            |                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kỳ trả lãi:</b>                                         | Lãi được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần.                                                      |
| <b>Mệnh giá:</b>                                           | 100.000 đồng/trái phiếu                                                                         |
| <b>Giá chào bán:</b>                                       | 100.000 đồng/trái phiếu                                                                         |
| <b>Tổng số lượng trái phiếu<br/>niêm yết:</b>              | <b>12.543.800</b> trái phiếu (Mười hai triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm) trái phiếu  |
| <b>Tổng giá trị trái phiếu<br/>niêm yết theo mệnh giá:</b> | <b>1.254.380.000.000</b> đồng (Một nghìn hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm tám mươi triệu đồng) |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000      Fax: (028)7300 3751



## MỤC LỤC

|                                                                                                                             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC .....                                                                                                               | 2  |
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....                                                                                                 | 6  |
| 1. Rủi ro kinh tế .....                                                                                                     | 6  |
| a. Rủi ro lãi suất .....                                                                                                    | 6  |
| b. Rủi ro tín dụng .....                                                                                                    | 7  |
| c. Rủi ro ngoại hối .....                                                                                                   | 7  |
| d. Rủi ro thanh khoản .....                                                                                                 | 8  |
| e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng .....                                                                                        | 8  |
| 2. Rủi ro luật pháp .....                                                                                                   | 9  |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....                                                       | 10 |
| 1. Tổ chức niêm yết .....                                                                                                   | 10 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM .....                                                                                                    | 11 |
| 1. Các khái niệm .....                                                                                                      | 11 |
| 2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt .....                                                                                       | 12 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....                                                                | 14 |
| 1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết .....                                                                                | 14 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                                                         | 16 |
| 3. Quá trình tăng vốn điều lệ .....                                                                                         | 22 |
| 4. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết .....                                                                                | 26 |
| 4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động: .....                                                                                 | 27 |
| 4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank .....                                                                              | 27 |
| 5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết .....                                                             | 27 |
| 5.1. Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                             | 28 |
| 5.2. Hội đồng quản trị .....                                                                                                | 28 |
| 5.3. Văn phòng HĐQT .....                                                                                                   | 28 |
| 5.4. Ban Kiểm soát .....                                                                                                    | 28 |
| 5.5. Phòng kiểm toán nội bộ .....                                                                                           | 28 |
| 5.6. Hội đồng ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác .....                                | 28 |
| 5.7. Ban Điều hành .....                                                                                                    | 29 |
| 5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định .....                               | 29 |
| 5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank .....                                                                                      | 29 |
| 6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVBank; Danh sách cổ đông sáng lập của BVBank; Cơ cấu cổ đông ..... | 32 |
| 6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần: .....                                                                | 32 |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 6.2.  | Danh sách cổ đông sáng lập .....                                                                                                                                                                                                                                     | 32 |
| 6.3.  | Cơ cấu cổ đông .....                                                                                                                                                                                                                                                 | 32 |
| 7.    | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ Chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức đăng ký niêm yết ..... | 32 |
| 7.1.  | Danh sách những công ty mẹ của BVBank .....                                                                                                                                                                                                                          | 32 |
| 7.2.  | Danh sách công ty con của Tổ chức niêm yết .....                                                                                                                                                                                                                     | 32 |
| 7.3.  | Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối .....                                                                                                                                                         | 33 |
| 7.4.  | Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....                                                                                                                                                              | 33 |
| 8.    | Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                            | 33 |
| 8.1.  | Đặc điểm hoạt động kinh doanh: .....                                                                                                                                                                                                                                 | 33 |
| 8.2.  | Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn: .....                                                                                                                                                                                                                                | 40 |
| 8.3.  | Thị trường hoạt động: .....                                                                                                                                                                                                                                          | 42 |
| 8.4.  | Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện .....                                                                                                                                                                                                       | 43 |
| 9.    | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                                                           | 44 |
| 10.   | Vị thế của BVBank so với các ngân hàng khác trong ngành:.....                                                                                                                                                                                                        | 49 |
| 11.   | Chính sách đối với người lao động .....                                                                                                                                                                                                                              | 54 |
| 12.   | Tình hình hoạt động tài chính .....                                                                                                                                                                                                                                  | 57 |
| 12.1. | Các chỉ tiêu cơ bản:.....                                                                                                                                                                                                                                            | 57 |
| 12.2. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....                                                                                                                                                                                                                                 | 60 |
| 13.   | Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....                                                                                                                                                                                            | 61 |
| 13.1. | Hội đồng Quản trị .....                                                                                                                                                                                                                                              | 61 |
| 13.2. | Ban Tổng Giám đốc .....                                                                                                                                                                                                                                              | 72 |
| 13.3. | Ban Kiểm soát.....                                                                                                                                                                                                                                                   | 79 |
| 13.4. | Kế toán trưởng .....                                                                                                                                                                                                                                                 | 84 |
| 14.   | Tài sản:.....                                                                                                                                                                                                                                                        | 85 |
| 15.   | Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo.....                                                                                                                                                                                                           | 87 |
| 16.   | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.....                                                                                                                                                                                                  | 89 |
| 17.   | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết .....                                                                                                                                                                                   | 90 |
| 18.   | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....                                                                                                                              | 91 |
| V.    | TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT: .....                                                                                                                                                                                                                                           | 92 |
| 1.    | Loại trái phiếu:.....                                                                                                                                                                                                                                                | 92 |
| 2.    | Tên trái phiếu: .....                                                                                                                                                                                                                                                | 92 |

|                                                                                                             |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3. Mã trái phiếu .....                                                                                      | 92  |
| 4. Mệnh giá: .....                                                                                          | 92  |
| 5. Số lượng trái phiếu niêm yết: .....                                                                      | 92  |
| 6. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết ..... | 92  |
| 7. Ngày phát hành .....                                                                                     | 92  |
| 8. Ngày Đáo hạn .....                                                                                       | 92  |
| 9. Kỳ hạn .....                                                                                             | 92  |
| 10. Xếp hạng tín nhiệm .....                                                                                | 92  |
| 12. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu: .....                                                         | 93  |
| 12.1. Lãi suất: .....                                                                                       | 93  |
| 12.2. Xác định tiền lãi trái phiếu: .....                                                                   | 94  |
| 13. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu: .....                                                               | 95  |
| 14. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn .....                                                                | 96  |
| 15. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa) .....                                               | 97  |
| 16. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa) .....                              | 98  |
| 17. Phương pháp thực hiện quyền: .....                                                                      | 99  |
| 18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết: .....                             | 99  |
| 19. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo: .....                                                                         | 100 |
| 20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: .....                                               | 100 |
| 21. Các loại thuế có liên quan: .....                                                                       | 100 |
| 21.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân: .....                                                                          | 100 |
| 21.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp: .....                                                                     | 100 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN: .....                                                           | 102 |
| 1. Tổ chức kiểm toán: .....                                                                                 | 102 |
| 2. Tổ chức tư vấn: .....                                                                                    | 102 |
| VII. PHỤ LỤC .....                                                                                          | 102 |



## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

*Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/ sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.*

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (BVBank), và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà BVBank hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, BVBank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp, rủi ro về ngành và các rủi ro khác. Mặc dù, BVBank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của BVBank.

#### **1. Rủi ro kinh tế**

##### **a. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Đối với rủi ro lãi suất Sở kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVBank.
- Rủi ro lãi suất được BVBank đánh giá, đo lường và giám sát dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của BVBank, các nhận định về diễn biến, biến động lãi suất trên thị trường luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn rủi ro của BVBank và các quyết định, định hướng của Hội đồng ALCO liên quan đến quản lý rủi ro lãi suất cũng như việc đưa ra các mức lãi suất phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng (RRTD) là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với BVBank. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với BVBank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Quản lý RRTD được thực hiện thông qua việc quản lý các chỉ tiêu đối với quản lý RRTD như sau: tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế dựa trên một số nguyên tắc quản lý RRTD.

Ngân hàng đang từng bước triển khai áp dụng phù hợp các biện pháp giảm thiểu rủi ro, tối thiểu một trong các nội dung sau: chấp nhận một số loại TSBĐ cụ thể, thỏa thuận khách hàng bù trừ số dư nội bảng, chấp nhận bảo lãnh cấp tín dụng của bên thứ ba, ký hợp đồng phái sinh tín dụng, hợp đồng bảo hiểm tín dụng thẩm quyền phê duyệt chấp nhận các biện pháp giảm thiểu rủi ro trên áp dụng theo quy định trong từng thời kỳ.

Cùng với các văn bản phân tách rõ chức năng, nhiệm vụ giữa bộ phận thẩm định và phê duyệt quyết định tín dụng và tuyệt đối tuân thủ các hạn mức RRTD do BVBank ban hành trong từng thời kỳ.

Sử dụng các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn có uy tín là Moody's hoặc Standard & Poor hoặc Fitch Rating và các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để xác định mức độ rủi ro của khách hàng, đối tác, khoản phải đòi khi tính tỷ lệ an toàn vốn.

**c. Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối (hay rủi ro tiền tệ) là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.



Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ: BVBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/ thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVBank không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVBank đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/ truyền thống, BVBank đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVBank tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVBank luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng**

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng ... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVBank đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVBank đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng



thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).

- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa ...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

## **2. Rủi ro luật pháp**

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính tiền tệ. Do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng hoàn thiện nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, bao gồm các NHTM. Ngân hàng là một ngành kinh doanh có điều kiện và nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của NHNN và các bộ, ngành hữu quan và các thay đổi trọng yếu trong các chính sách quản lý của Nhà nước có thể làm cho hoạt động kinh doanh, triển vọng, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ chức niêm yết chịu ảnh hưởng.

Mặc dù các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này qua nhiều thời kỳ, nhưng có thể đánh giá hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà đầu tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, BVBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, BVBank đã xây dựng các Ủy ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân

hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, BVBank đã thành lập các trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. BVBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

### **3. Rủi ro ngành**

BVBank hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và BVBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

### **4. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BVBank còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố ... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

Tổ chức niêm yết: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng giám đốc.

Bà Phan Thị Hồng Lan Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.



## **2. Tổ chức tư vấn**

Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Ông Nguyễn Đức Hoàn

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*(Theo giấy ủy quyền số 94.1/QĐ-ACBS.23 ngày 13/12/2024 của Chủ tịch HĐQT).*

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 0501/HDDV.24 ngày 05/01/2024 với Ngân hàng TMCP Bản Việt (và các phụ lục đính kèm). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Ngân hàng TMCP Bản Việt cung cấp.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM**

### **1. Các khái niệm**

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

"Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

"Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.

"Trái Phiếu" có nghĩa là Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Bản Việt chào bán ra công chúng năm 2024 - 2025 theo 6 đợt và được gọi chung là Trái Phiếu.

Mã Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp theo quy định hiện hành sau khi BVBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC.

"Ngày Phát Hành" có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ chức niêm yết.

"Ngày Đáo Hạn" có nghĩa là ngày cuối cùng của trái phiếu, ngày đến hạn thanh toán trái phiếu.

"Kỳ Tính Lãi" có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.

"Ngày Thanh Toán Lãi" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.

"Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại" có nghĩa là ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu của Tổ chức niêm yết. Tổ chức niêm yết có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.



“Ngày đăng ký cuối cùng” hoặc “Ngày chốt danh sách” có nghĩa là ngày làm việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.

“Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà đầu tư” là người mua, hoặc nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ chức niêm yết quản lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).

“Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.

“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.

“Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là bất cứ tài liệu nào, bao gồm: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến việc phát hành.

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

## **2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt**

|                      |                                      |
|----------------------|--------------------------------------|
| UBCKNN               | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.         |
| Ngân hàng, BVBank    | Ngân hàng TMCP Bản Việt.             |
| DHĐCĐ                | Đại hội đồng cổ đông.                |
| HĐQT                 | Hội đồng Quản trị.                   |
| BGD                  | Ban giám đốc.                        |
| BKS                  | Ban Kiểm soát.                       |
| HĐKD                 | Hoạt động kinh doanh.                |
| Điều lệ              | Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt. |
| Tổ chức niêm yết     | Ngân hàng TMCP Bản Việt.             |
| Tổ chức tư vấn, ACBS | Công ty TNHH Chứng khoán ACB.        |
| Đại lý phát hành     | Công ty TNHH Chứng khoán ACB.        |

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

---

|       |                                                    |
|-------|----------------------------------------------------|
| NHNN  | Ngân hàng Nhà nước.                                |
| PGD   | Phòng giao dịch.                                   |
| CN    | Chi nhánh.                                         |
| HS    | Hội sở.                                            |
| VSDC  | Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam |
| SGDCK | Sở Giao dịch Chứng Khoán.                          |
| BCTC  | Báo cáo tài chính.                                 |
| LNTT  | Lợi nhuận trước thuế.                              |
| LNST  | Lợi nhuận sau thuế.                                |



**A. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết**

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT.**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.**
- Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG BẢN VIỆT.**
- Trụ sở: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, TP. HCM, Việt Nam.
- Điện thoại: (028) 62679679.
- Fax: (028) 62638668.
- Website: [www.bvbank.net.vn](http://www.bvbank.net.vn)
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023. Theo Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/20/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh vốn điều lệ của BVBank, BVBank đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD. Tuy nhiên theo khoản 2 Điều 7 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã”. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM không thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy phép hoạt động 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992 và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.518.462.150.000 đồng (Năm nghìn năm trăm mười tám tỷ, bốn trăm sáu hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp: 5.518.462.150.000 đồng ( Năm nghìn năm trăm mười tám tỷ, bốn trăm sáu hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật : Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu: BVB.
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
  - Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
  - Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng;
  - Chiết khấu thương phiếu, Trái phiếu và giấy tờ có giá;
  - Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép;
  - Dịch vụ cầm đồ;
  - Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng;
  - Mua, bán Trái phiếu Chính phủ; mua bán Trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN;
  - Ủy thác, nhận ủy thác cho vay;
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
  - Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
  - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
  - Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp;
  - Hoạt động mua nợ;
  - Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước;
  - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;

- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
- ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán;
- ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
- ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước.
- ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
- Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất;
- Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ;
- Lưu ký chứng khoán;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp, với mức vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.

**Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố**

- ✓ BVBank từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
- ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng từ tháng 08/2005.
- ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Hội sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

**Năm 2006: Bắt đầu phát triển**

- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Hội sở, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
- ✓ Khánh thành Hội sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

**Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng**

- ✓ Tháng 12/2007: tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Hội sở, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
- ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu” lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.

• **Năm 2008 -2009: Duy trì tăng trưởng ổn định**

- ✓ Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
- ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
- ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).

**Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh**

- ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVBank đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
- ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVBank đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVBank cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.
- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVBank cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVBank đã chuyển đổi thành công Hội sở về trung tâm Quận 1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

**Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh**

- ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 3, và tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Ngân hàng chú trọng công tác đầu tư,



phát triển mạng lưới, tăng thêm 25-30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm năm 2011.

- ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
- ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVBank sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
- ✓ Ngày 13/12/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNN ngày 13/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### **Năm 2012 - 2013**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch mới, gồm: 01 Hội sở, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
- ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.
- ✓ Năm 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVBank. Diễn hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard ...
- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.

#### **Năm 2014 - 2015**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch được di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.



- ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015.
- ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- ✓ Tiêu biểu:
  - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
  - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.

#### **Năm 2016 – 2018**

Triển khai chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hướng đến khách hàng Cá nhân và khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D.
- ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS).
- ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI- DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).
- ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online.
- ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
- ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam.
- ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 Hội sở, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (Tính đến cuối năm 2018).

#### **Năm 2019 - 2020**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với Tổ chức niêm yết thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo.
- ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC.
- ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus.

- ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II.
- ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020.
- ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC.
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 87 điểm giao dịch bao gồm 1 Hội sở, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.

#### **Năm 2021**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng.
- ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
- ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
- ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
- ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 24/7 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
- ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Hội sở, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.

#### **Năm 2022 - 2023**

- ✓ Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà nước có quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023 về việc chấp thuận việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh quy định tại giấy phép hoạt động số 0025/NH-CP ngày 22/08/1992 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: BVBank
- ✓ Ngày 30/05/2023, Ngân hàng TMCP Bản Việt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung một số nội dung hoạt động tại giấy phép hoạt động bởi quyết định số 1012/QĐ-NHNN như sau:
  - Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất.
  - Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
- Lưu ký chứng khoán.
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

Và Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

- ✓ Ngày 31/05/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 3.670,9 tỷ đồng lên 4.221,5 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 29 ngày 31/05/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Ngày 19/06/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 4.221,5 tỷ đồng lên 5.016,8 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

**Năm 2024:**

- ✓ Kết thúc năm 2024, Vốn điều lệ của BVBank đã tăng lên 5.518,5 tỷ đồng theo Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.
- ✓ Tính đến cuối năm 2024, thương hiệu BVBank đã hiện diện tại 10 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm kinh doanh trên toàn hệ thống lên 126 đơn vị và có mặt tại 33 tỉnh thành trên cả nước. Song song với kênh truyền thống, BVBank tiếp tục gia tăng trải nghiệm khách hàng qua nhiều tiện ích mới trên ngân hàng số Digimi và Digibiz, bám sát mục tiêu phát triển mô hình bán lẻ đã đề ra.

**Quý 2/2025:** BVBank đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 66/GCN-UBCK ngày 25/03/2025 chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn lên 6.208,3 tỷ đồng và đang thực hiện các bước chào bán theo quy định.

**3. Quá trình tăng vốn điều lệ**

Trong quá trình hoạt động, BVBank chưa thực hiện giảm vốn điều lệ.

Năm 1992, Ngân hàng đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và trải qua nhiều đợt tăng vốn như sau:



**Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt**

**DVT: triệu đồng**

| <b>Thời gian</b> | <b>Vốn điều lệ trước khi phát hành</b> | <b>Vốn điều lệ sau khi phát hành</b> | <b>Hình thức phát hành</b>                         | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                   |
|------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 8/1992     |                                        | 5.000                                | Vốn ban đầu                                        | - Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN                                                                                      |
| Tháng 12/1993    | 5.000                                  | 20.000                               | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước | - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM                                                          |
| Tháng 8/2005     | 20.000                                 | 80.000                               | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước | - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM                                                          |
| Tháng 12/2006    | 80.000                                 | 166.040                              | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước | - Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN<br>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM  |
| Tháng 12/2006    | 166.040                                | 210.000                              | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước | - Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN<br>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM |
| Tháng 7/2007     | 210.000                                | 322.618                              | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước | - Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN<br>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM  |
| Tháng 12/2007    | 322.618                                | 444.623                              | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu            | - Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN                                                                                   |

| Thời gian     | Vốn điều lệ trước khi phát hành | Vốn điều lệ sau khi phát hành | Hình thức phát hành                                                         | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|               |                                 |                               |                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 10, ngày 25/12/2007 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>                                                                                                    |
| Tháng 2/2008  | 444.623                         | 500.000                       | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>                                     |
| Tháng 12/2008 | 500.000                         | 1.000.000                     | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ thặng dư vốn cổ phần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul> |
| Tháng 11/2010 | 1.000.000                       | 2.000.000                     | Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT</li> </ul>                                         |

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

| Thời gian    | Vốn điều lệ trước khi phát hành | Vốn điều lệ sau khi phát hành | Hình thức phát hành                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                                 |                               |                                                                               | TP. HCM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Tháng 8/2011 | 2.000.000                       | 3.000.000                     | Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>                                               |
| Tháng 4/2019 | 3.000.000                       | 3.171.000                     | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>                                                         |
| Tháng 5/2021 | 3.171.000                       | 3.670.900                     | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động (ESOP) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 và văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul> |

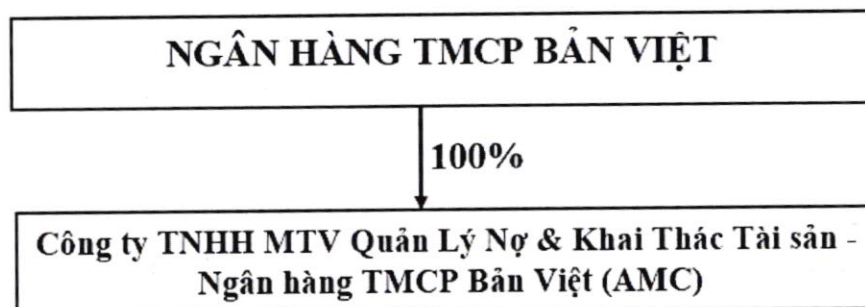


| Thời gian    | Vốn điều lệ trước khi phát hành | Vốn điều lệ sau khi phát hành | Hình thức phát hành                                                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 5/2023 | 3.670.900                       | 4.221.529                     | Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu                     | - Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN<br>- Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN<br>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 29, ngày 31/05/2023 của Sở KHĐT TP. HCM                                                                                                             |
| Tháng 6/2023 | 4.221.529                       | 5.016.800                     | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu                                              | - Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN<br>- Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN<br>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 của Sở KHĐT TP. HCM                                                                                                             |
| Tháng 8/2024 | 5.016.800                       | 5.518.462                     | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu | - Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Bản Việt (*)<br>- Văn bản số 5515/UBCK-QLCB ngày 29/08/2024 của UBCKNN về nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |

(\*) Lưu ý: Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, kể từ ngày 01/07/2024 (thời điểm Luật các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành), Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng cũng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Ngân hàng Nhà nước sẽ thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

#### 4. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết

##### 4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động:



##### 4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank

BVBank hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVBank là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

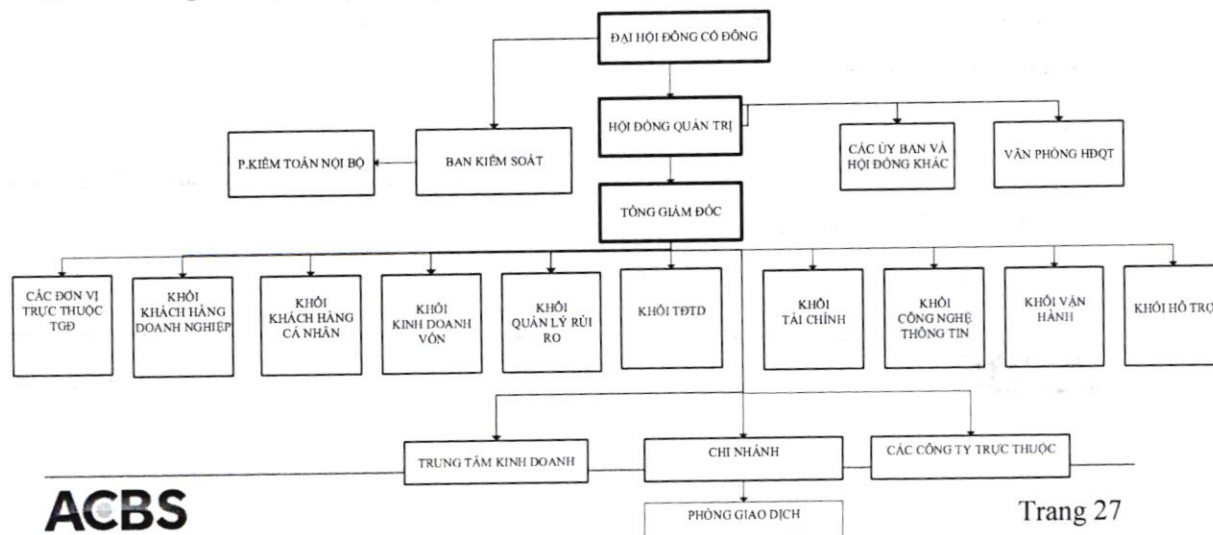
##### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

- ✓ Hội sở của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ✓ 41 chi nhánh và 84 phòng giao dịch trên toàn quốc.

##### Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

| Tên công ty                                                                              | Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp | Lĩnh vực kinh doanh | Vốn điều lệ (tỷ đồng) |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt | 0311401011                           | Quản lý tài sản     | 100                   |

#### 5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết



### **5.1. Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVBank. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVBank.

### **5.2. Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVBank. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVBank và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ. HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra. Hiện tại HĐQT của BVBank có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

### **5.3. Văn phòng HĐQT**

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVBank, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

### **5.4. Ban Kiểm soát**

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVBank. Các thành viên Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu và miễn nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát BVBank trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, Ban kiểm soát của BVBank có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách.

### **5.5. Phòng kiểm toán nội bộ**

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVBank.

### **5.6. Hội đồng ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng**



**khác**

Hội đồng ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

#### **5.7. Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVBank; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVBank như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v. ...

#### **5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định**

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVBank gồm có 05 thành viên.

#### **5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank**

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

##### **5.9.1 Cơ cấu tổ chức tại Hội sở**

###### **a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp**

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

###### **b. Khối Khách hàng Cá nhân**

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo

Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

**c. Khối Kinh Doanh Vốn**

Đảm bảo để BVBank tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho BVBank.

**d. Khối Quản lý Rủi ro**

Tham mưu xây dựng chính sách, quy định nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, ngân hàng số, vận hành, và thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

**e. Khối Thẩm định Tín dụng**

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

**f. Khối Tài chính**

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVBank, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVBank.

**g. Khối Công nghệ Thông tin**

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám

sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

**h. Khối Vận hành**

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn và phối hợp với Khối Quản lý rủi ro thực hiện quản lý rủi ro vận hành trong quá trình xử lý các giao dịch.

Tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ chuyển tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

**i. Khối Hỗ trợ**

Đầu mối tham mưu cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVBank theo quy định của ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân Hàng.

**j. Các Đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc**

Là các Phòng/Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc bao gồm Phòng Quản lý dự án, Trung tâm Ngân hàng số, Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ, Trung tâm Quản lý tín dụng và Phòng Truyền thông và Thương hiệu.

Chức năng, nhiệm vụ chính của từng Phòng/Trung tâm được thực hiện theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

**5.9.2 Cơ cấu tổ chức tại Chi nhánh**

- a. Phòng Quan hệ Khách hàng Cá nhân.
- b. Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp.
- c. Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).
- d. Phòng Dịch vụ Khách hàng.
- e. Phòng Hành chính Ngân quỹ.
- f. Phòng Giao dịch đặc thù.
- g. Phòng Giao dịch trực thuộc.

**5.9.3 Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết**

- a. Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (AMC);



b. Các Công ty trực thuộc/ Liên doanh Liên kết khác: không có.

**6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVBank; Danh sách cổ đông sáng lập của BVBank; Cơ cấu cổ đông**

**6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:**

Tại 30/09/2024, Ngân Hàng không có cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

**6.2. Danh sách cổ đông sáng lập**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**6.3. Cơ cấu cổ đông**

Cơ cấu cổ đông theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp tại thời điểm ngày 16/04/2025:

| STT       | Cổ đông                                                               | Số lượng (người) | Số cổ phần         | Tỷ lệ       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Cổ đông trong nước</b>                                             | 13.124           | 551.402.323        | 99,92%      |
| 1         | Cổ đông tổ chức                                                       | 25               | 40.396.697         | 7,32%       |
| 2         | Cổ đông cá nhân                                                       | 13.099           | 511.005.626        | 92,60%      |
| <b>II</b> | <b>Cổ đông nước ngoài</b>                                             | 39               | 443.892            | 0,08%       |
| 1         | Cổ đông tổ chức                                                       | 0                | 0                  | 0           |
| 2         | Cổ đông cá nhân                                                       | 39               | 443.892            | 0,08%       |
| 3         | Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0                | 0                  | 0           |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                      | <b>13.163</b>    | <b>551.846.215</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

**7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ Chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức đăng ký niêm yết**

**7.1. Danh sách những công ty mẹ của BVBank**

Không có.

**7.2. Danh sách công ty con của Tổ chức niêm yết**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (AMC)
- Giấy CNĐKKD số 0311401011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2011.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 100 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 100 tỷ đồng.
- Vốn góp của BVBank tại Công ty con: 100 tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của BVBank tại công ty con: 100%.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
  - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
  - Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
  - Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

**7.3. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có.

**7.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

**8. Hoạt động kinh doanh****8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:**

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các

loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

### **8.1.1 Sản phẩm/dịch vụ**

#### **8.1.1.1. Sản phẩm tiền gửi**

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tắt toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán được phát hành theo từng đợt tùy tình hình kinh doanh thực tế trong từng thời kỳ.

#### **8.1.1.2. Sản phẩm cho vay**

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại ...).
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ...).
- Cho vay đầu tư dự án.



- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán ...

#### **8.1.1.3. Các sản phẩm dịch vụ khác**

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn....
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

#### **8.1.2. Huy động vốn:**

- Cơ cấu huy động vốn ngày càng hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm và chi phí linh hoạt, tối ưu. BVBank không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý.

#### **Nguồn vốn huy động năm 2023, 2024 và 31/03/2025 (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                              | 31/12/2023    |             | 31/12/2024    |             | 31/03/2025     |             |
|-------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|----------------|-------------|
|                                                       | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư          | Tỷ trọng    |
| Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN                   | -             | -           | 1.558         | 1,63%       | 1.572          | 1,54%       |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                         | 12.507        | 15,63%      | 18.722        | 19,62%      | 16.782         | 16,44%      |
| Tiền gửi của khách hàng                               | 57.139        | 71,40%      | 67.389        | 70,63%      | 71.012         | 69,57%      |
| Phát hành giấy tờ có giá                              | 10.023        | 12,52%      | 7.526         | 7,89%       | 12.485         | 12,23%      |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 362           | 0,45%       | 222           | 0,23%       | 224            | 0,22%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                      | <b>80.031</b> | <b>100%</b> | <b>95.417</b> | <b>100%</b> | <b>102.074</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước:

| Chỉ tiêu         | 31/12/2023           |             | 30/12/2024           |             | 31/03/2025           |             |
|------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|
|                  | Giá trị<br>(Tỷ đồng) | Tỷ trọng    | Giá trị<br>(Tỷ đồng) | Tỷ trọng    | Giá trị<br>(Tỷ đồng) | Tỷ trọng    |
| Trong nước       | 79.669               | 99,55%      | 95.195               | 99,77%      | 101.851              | 99,78%      |
| Ngoài nước       | 362                  | 0,45%       | 222                  | 0,23%       | 224                  | 0,22%       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>80.031</b>        | <b>100%</b> | <b>95.417</b>        | <b>100%</b> | <b>102.074</b>       | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVBank đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư và các TCKT.

Tổng huy động vốn của ngân hàng năm 2024 đạt hơn 95 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 19% so với năm 2023, trong đó huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt gần 75 nghìn tỷ đồng tăng 11,5% so với năm 2023. Kết thúc Quý 1/2025, tổng huy động vốn của BVBank đạt hơn 102 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với thời điểm cuối năm 2024, trong đó huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt gần 84 nghìn tỷ đồng. Kết quả đến từ việc BVBank thành công thực hiện các chiến lược huy động vốn linh hoạt, nhằm đảm bảo nguồn vốn ổn định và phù hợp với tình hình thị trường. Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

### 8.1.3 Hoạt động tín dụng:

Thương hiệu và hình ảnh của BVBank đã được nhiều người biết đến, với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVBank cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

#### - Theo thời hạn:

#### Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|----------|------------|------------|------------|
|----------|------------|------------|------------|



|                  | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư         | Tỷ trọng    |
|------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| Nợ ngắn hạn      | 39.522        | 68,42%      | 43.953        | 64,50%      | 44.460        | 62,78%      |
| Nợ trung hạn     | 4.146         | 7,18%       | 5.658         | 8,30%       | 5.788         | 8,17%       |
| Nợ dài hạn       | 14.100        | 24,41%      | 18.531        | 27,19%      | 20.573        | 29,05%      |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>57.768</b> | <b>100%</b> | <b>68.142</b> | <b>100%</b> | <b>70.821</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

Tổng dư nợ cho vay của BVBank tăng trưởng qua từng năm. Dư nợ năm 2023 tăng 13,6% so với năm 2022, tập trung chủ yếu ở mục nợ ngắn hạn với tỷ lệ tăng trưởng là 26,2%. Dư nợ năm 2024 tăng 18% so với cả năm 2023, tăng trưởng mạnh nhất là nợ trung hạn (tăng 36,5%) và nợ dài hạn (tăng 31,4%). Kết thúc Quý 1/2025, dư nợ tăng 3,9% so với thời điểm cuối năm 2024. Về cơ bản, cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn không có nhiều biến động đáng kể từ cuối năm 2022 đến nay. Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trên 60% và vẫn trong xu hướng tăng từ năm 2022 đến hiện tại (từ 61,6% tăng 64,5%). Nợ trung và dài hạn chiếm tỷ trọng dao động gần 40% ở các năm.

**- Theo nhóm nợ:**

**Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                                    | 31/12/2023    |             | 31/12/2024    |             | 31/03/2025    |             |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
|                                                                             | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư         | Tỷ trọng    | Số dư         | Tỷ trọng    |
| Nợ đủ tiêu chuẩn                                                            | 54.935        | 95,10%      | 65.068        | 95,49%      | 67.118        | 94,77%      |
| Nợ cần chú ý                                                                | 919           | 1,59%       | 890           | 1,31%       | 1.272         | 1,80%       |
| Nợ dưới tiêu chuẩn                                                          | 311           | 0,54%       | 270           | 0,40%       | 379           | 0,54%       |
| Nợ nghi ngờ                                                                 | 584           | 1,01%       | 519           | 0,76%       | 434           | 0,61%       |
| Nợ có khả năng mất vốn                                                      | 1.019         | 1,76%       | 1.313         | 1,93%       | 1.619         | 2,29%       |
| Các khoản nợ chờ xử lý đã có tài sản xiết nợ, gán nợ và nợ tồn đọng có TSBD | -             | -           | 82            | 0,12%       | -             | 0,00%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                                            | <b>57.768</b> | <b>100%</b> | <b>68.142</b> | <b>100%</b> | <b>70.821</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**- Tình hình hoạt động tín dụng**

Trong giai đoạn vừa qua, với các sản phẩm tín dụng đa dạng, nhiều chương trình ưu đãi lãi suất phù hợp với từng đối tượng vay, dịch vụ tín dụng được nâng cao, mạng lưới mở rộng đã đưa BVBank tiếp cận gần đến với khách hàng đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Tăng trưởng dư nợ 2 năm gần nhất khá ổn định và có xu hướng tăng dần. Dư nợ cho vay của BVBank trong năm 2023 là 57.768 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm trước; dư nợ tại thời điểm cuối năm 2024 dư nợ đạt 68.142 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm; tại thời điểm



cuối Quý 1/2025, dư nợ cho vay đạt 70.821 tỷ đồng, tăng 3,9% so với thời điểm cuối năm 2024.

Chất lượng tín dụng luôn được BVBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

**Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động**

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục                                                                                                                           | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tổng dư nợ cho vay                                                                                                                  | 57.768     | 68.142     | 70.821     |
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)                                                                                                             | 11,33%     | 11,90%     | 13,06%     |
| Tỷ lệ nợ quá hạn (thời điểm 31/12/2023 tính theo TT11/2021/TT-NHNN, thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025 tính theo TT31/2024/TT-NHNN) | 4,50%      | 3,69%      | 4,21%      |
| Tỷ lệ nợ xấu (thời điểm 31/12/2023 tính theo TT11/2021/TT-NHNN, thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025 tính theo TT31/2024/TT-NHNN)     | 2,77%      | 2,59%      | 2,76%      |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi                                                                                            | 72,78%     | 76,78%     | 72,95%     |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn                                                                           | 19,96%     | 24,86%     | 22,92%     |

(Nguồn: Ngân hàng Bản Việt)

**8.1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế**

BVBank đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVBank. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự... đến nay, BVBank đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

**Doanh số kinh doanh ngoại tệ**

Đơn vị: triệu USD

| Kinh doanh ngoại tệ | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|---------------------|------------|------------|------------|
| Mua                 | 24.044     | 26.608     | 7.275      |
| Bán                 | 23.914     | 26.663     | 7.254      |

(Nguồn: Ngân hàng Bản Việt)

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVBank duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo,

## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

bằng rôn, tờ rơi, internet ... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVBank đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVBank cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

#### 8.1.5 Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, BVBank đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc ... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVBank thường xuyên phấn đấu đổi mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

#### 8.1.6 Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVBank. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVBank cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVBank, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

#### 8.1.7 Hoạt động đầu tư tài chính

Đề đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVBank đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

#### Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

| Đầu tư tài chính                                 | 31/12/2023   | 31/12/2024   | 31/03/2025   |
|--------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
| Trái phiếu chính phủ                             | 7.455        | 8.984        | 9.527        |
| Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành     | 249          | 249          | 249          |
| Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành          | -            | -            | -            |
| Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành | -            | -            | -            |
| <b>Tổng cộng</b>                                 | <b>7.704</b> | <b>9.234</b> | <b>9.777</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)



## **8.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn:**

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVBank chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVBank đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành, Phòng Quản lý rủi ro Thị trường, Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng số, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ;
- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền ...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc, việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVBank luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Từ năm 2018 đến nay, BVBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu ...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVBank được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVBank cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng.

- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

### **8.3. Thị trường hoạt động:**

#### **8.3.1 Mạng lưới chi nhánh:**

- Mạng lưới hoạt động của BVBank hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 41 chi nhánh, 84 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVBank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVBank luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVBank nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

#### **8.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng:**

- Địa bàn hoạt động chính của BVBank hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVBank là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau hơn 30 năm hoạt động, BVBank đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVBank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVBank kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước, nhằm định hướng phát triển BVBank trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

#### **8.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh:**

Thị phần của BVBank so với toàn ngành chiếm khoảng 0,41% dư nợ cho vay và chiếm 0,46% tiền gửi của khách hàng. Trong xu thế hiện nay với mức độ cạnh tranh cao, BVBank luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, cải



tiến các giải pháp công nghệ theo hướng hiện đại nhằm mang lại nhiều lựa chọn và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ, từ đó từng bước tăng cường khả năng cạnh tranh.

**Thị phần của BVBank so với toàn ngành ngày tại thời điểm tháng 01/2025**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu hợp nhất                 | Tổng tài sản | Dư nợ cho vay | Tiền gửi của khách hàng |
|-----------------------------------|--------------|---------------|-------------------------|
| BVBank                            | 103.536      | 68.142        | 67.389                  |
| Thị phần BVBank so với toàn ngành | 0,43%        | 0,41%         | 0,46%                   |

*Nguồn: BVBank và tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước*

**8.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện**

**8.4.1 Mạng khách hàng cá nhân**

**- Thẻ tín dụng**

Khối KHCN đang triển khai các dự án phát triển sản phẩm, chính sách máy đo phù hợp, hướng đến phân khúc khách hàng cao cấp; tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác để tăng cường phát triển thẻ tín dụng mới hàng loạt cho hệ sinh thái và khách hàng hiện hữu của các đối tác; tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm xuất sắc và khác biệt về sản phẩm thẻ.

**- Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân**

Mục tiêu chính trong năm 2024 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, điển hình như sau:

- ✓ Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng tiền gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ, tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- ✓ Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương.
- ✓ Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.

**8.4.2 Mạng khách hàng doanh nghiệp**

- Khối KHDN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVBank đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.



- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt chú trọng vào phân khúc khách hàng SME.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phối hợp với các đơn vị kinh doanh triển khai xây dựng các sản phẩm đặc thù riêng, phù hợp cho từng địa phương, từng phân khúc khách hàng. Thúc đẩy, hỗ trợ, nâng cao năng lực bán, hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm dịch vụ đều hướng tới việc tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Về kênh phân phối: Tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking ...) và triển khai các giải pháp Công nghệ mới nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường sự hài lòng và trung thành của khách hàng SME. Tổ chức lại mạng lưới kinh doanh SME theo hướng tập trung và chuyên môn hóa.
  - ✓ Dự án nâng cấp Mobile Banking, Internet Banking khách hàng doanh nghiệp;
  - ✓ Dự án CRM (Quản lý khách hàng).

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 9.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về HĐKD của BVBank trong 2 năm gần nhất và quý gần nhất

#### Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                       | Năm 2023 | Năm 2024 | Giá trị tăng/giảm 2024 với 2023 | % tăng/giảm 2024/2023 | 31/03/2025 |
|--------------------------------|----------|----------|---------------------------------|-----------------------|------------|
| Tổng tài sản                   | 87.884   | 103.536  | 15.652                          | 17,8%                 | 110.118    |
| Vốn chủ sở hữu                 | 5.844    | 6.155    | 311                             | 5,3%                  | 6.219      |
| Thu nhập lãi thuần             | 1.479    | 2.306    | 828                             | 56,0%                 | 505        |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 54       | 38       | -17                             | -31,0%                | 18         |

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**



|                                                     |       |       |       |        |       |
|-----------------------------------------------------|-------|-------|-------|--------|-------|
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối                         | 22    | 46    | 24    | 105,9% | 33    |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | -     | -     | -     | -      | -     |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư             | 122   | 27    | -95   | -78,1% | -0,18 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                         | 78    | 61    | -16   | -21,2% | 1     |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                    | -     | -     | -     | -      | -     |
| Chi phí hoạt động                                   | 1.407 | 1.475 | 68    | 4,9%   | 333   |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng | 348   | 1.002 | 654   | 188,0% | 224   |
| Chi phí DPRR tín dụng                               | 277   | 612   | 335   | 121,3% | 144   |
| LNTT                                                | 72    | 391   | 319   | 445,5% | 80    |
| LNST                                                | 57    | 311   | 255   | 450,2% | 64    |
| ROE                                                 | 1,0%  | 5,2%  | 4,02% | 408,5% | 1,1%  |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Kết quả kinh doanh công ty mẹ**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                    | Năm 2023 | Năm 2024 | Giá trị tăng/giảm 2024 với 2023 | % tăng/giảm 2024/2023 | 31/03/2025 |
|---------------------------------------------|----------|----------|---------------------------------|-----------------------|------------|
| Tổng tài sản                                | 87.985   | 103.637  | 15.652                          | 17,8%                 | 110.219    |
| Vốn chủ sở hữu                              | 5.810    | 6.121    | 311                             | 5,3%                  | 6.185      |
| Thu nhập lãi thuần                          | 1.476    | 2.303    | 828                             | 56,1%                 | 504        |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ              | 54       | 38       | -17                             | -31,0%                | 18         |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối                 | 22       | 46       | 24                              | 105,9%                | 33         |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | -        | -        | -                               | -                     | -          |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 122      | 27       | -95                             | -78,1%                | -0,18      |

|                                                     |       |       |      |        |      |
|-----------------------------------------------------|-------|-------|------|--------|------|
| Lãi thuần từ hoạt động khác                         | 77    | 61    | -16  | -21,1% | 1    |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                    | 1     | -     | -    | -      | -    |
| Chi phí hoạt động                                   | 1.405 | 1.474 | 68   | 4,9%   | 332  |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng | 348   | 1.002 | 654  | 188,2% | 223  |
| Chi phí DPRR tín dụng                               | 277   | 612   | 335  | 121,3% | 144  |
| LN TT                                               | 71    | 390   | 319  | 448,4% | 80   |
| LN ST                                               | 56    | 311   | 255  | 451,6% | 64   |
| ROE                                                 | 1,0%  | 5,2%  | 4,2% | 406,1% | 1,1% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng Lê năm 2023,2024 và BCTC riêng lẻ tự lập Q1.2025)

Năm 2024, bên cạnh việc triển khai xuyên suốt các chương trình ưu đãi lãi suất cho vay trong năm, với mức giảm lên đến 2% để đồng hành cùng với khách hàng theo chủ trương của NHNN, chính sách huy động cũng được BVBank điều tiết nhịp nhàng, linh hoạt trong từng thời kỳ phù hợp với nhu cầu tín dụng và diễn biến lãi suất thị trường, nhằm tối ưu hóa chi phí vốn. Song song đó, chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tối ưu, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tiếp tục được cải thiện.

Kết thúc năm 2024, BVBank đã đạt nhiều kết quả kinh doanh tích cực, vượt mục tiêu đặt ra đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó, cụ thể ghi nhận quy mô tổng tài sản đạt hơn 103.500 tỷ đồng, tăng trưởng 17,8% so với năm 2023. Tổng thu nhập của BVBank đến hết năm 2024 đạt gần 2.500 tỷ đồng, tăng mạnh 41,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng 56,0% so với cùng kỳ, đạt 2.306 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt hơn 391 tỷ đồng, hoàn thành 111,6% kế hoạch đặt ra, trong đó lợi nhuận quý 4 đạt 209 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu/tổng nợ theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN giảm từ 3,84% cuối quý 3 còn 2,59% vào cuối năm 2024. Kết thúc Quý 1/2025, lợi nhuận trước thuế đạt 80 tỷ đồng tăng 16% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 14,5% kế hoạch năm 2025.

## 9.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của BVBank trong năm báo cáo

- Trong khi tình hình kinh tế thế giới năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức với tốc độ phục hồi chậm, tăng trưởng kinh tế ở mức thấp, nhu cầu tiêu dùng giảm, nợ công tăng cao, lạm phát đã giảm nhưng không đồng đều; nhiều quốc gia vẫn duy trì thắt chặt chính sách tiền tệ... thì kinh tế vĩ mô của Việt Nam nhận được sự hỗ trợ tích cực của Chính Phủ với động lực chính là chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước, với 4 lần cắt giảm lãi suất



điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đi kèm với điều này là chỉ số DXY tăng hơn 7% từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 10/2023, tạo áp lực lên tỷ giá dẫn đến Ngân hàng Nhà nước hút tiền trở lại để ổn định tỷ giá. Chỉ số DXY tăng hơn 7% từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 10/2023, tạo áp lực lên tỷ giá dẫn đến Ngân hàng Nhà nước hút tiền trở lại để ổn định tỷ giá.

- Tiếp theo xu thế cuối năm 2023, sang năm 2024 bối cảnh kinh tế và địa chính trị thế giới diễn biến phức tạp như đã tăng giá của đồng USD khiến tỷ giá trong nước tăng mạnh và Ngân hàng nhà nước phải nhiều đợt phát hành tín phiếu và bán USD can thiệp; kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ cũng đem lại nhiều bất định trong hoạt động thương mại toàn cầu...

- Bước sang Quý 1/2025, tỷ giá tiếp tục diễn biến phức tạp do nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao cũng như các chính sách kinh tế bất định của một số nước lớn. Tính chung từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục tăng tỷ giá trung tâm lên mức cao nhất là tăng 1,9% so với đầu năm. Chỉ số DXY cũng có sự diễn biến phức tạp trong quý 1 và khó dự báo do sự thiếu ổn định trong chính sách bảo hộ và chính sách thuế quan của Mỹ. Trong khi đó, Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có thể phải đối mặt với rủi ro thuế quan cao nhất trong khu vực ASEAN, do thặng dư thương mại với Hoa Kỳ tăng lên 123 tỷ USD vào năm 2024. NHNN đã thực hiện nhiều biện pháp đồng thời để hướng tới mục tiêu duy trì ổn định thanh khoản dài hạn cho hệ thống liên ngân hàng, tạo điều kiện cho tăng trưởng tín dụng, các ngân hàng đã và đang rất tích cực giảm lãi suất huy động để có thêm điều kiện giảm lãi suất cho vay nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh Fed chưa cắt giảm lãi suất rõ rệt, chênh lệch lãi suất USD/VND vẫn ở mức cao cũng góp phần tác động tạo áp lực lên tỷ giá trong nước.

- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt trong lĩnh vực chuyển đổi số. Cùng với đó, các công ty công nghệ tài chính (Fin-Tech) xuất hiện, ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay ... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

- Thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp mặc dù có sự cải thiện nhờ điều hành của Chính phủ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên vẫn tạo áp lực đối với nhu cầu vốn từ hệ thống ngân hàng.

Những yếu tố vĩ mô trên đều có sự ảnh hưởng nhất định đến các mảng hoạt động kinh doanh của BVBank.

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức  
niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- Cục Thống kê (Bộ Tài chính) cho biết trong quý I/2025, giá USD trong nước biến động

ngược chiều với giá thế giới, bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.685 VND/USD. Chỉ số giá USD tháng 3/2025 tăng 0,77% so với tháng trước; tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,92% so với tháng 12/2024; bình quân quý I/2025, chỉ số USD tăng 3,63%. Trong bối cảnh đó, NHNN vẫn phát tín hiệu duy trì mặt bằng lãi suất thấp và nới room tín dụng để hỗ trợ nền kinh tế. Điều này cho thấy NHNN có thể chấp nhận VND mất giá trong một biên độ hợp lý nhằm thúc đẩy xuất khẩu và kích thích sản xuất.

- Ngay từ đầu năm 2025, NHNN đã giao chỉ tiêu tín dụng 16% và thông báo hết cho các TCTD để chủ động trong hoạt động này. Tính đến hết quý I/2025, tăng trưởng tín dụng đạt 3,93% gấp 2,5 lần so với mức 1,42% cùng kỳ năm trước. Lãi suất cho vay tiếp tục giảm 0,4% so với cuối năm 2024 cho thấy nỗ lực của hệ thống ngân hàng trong việc hỗ trợ nền kinh tế
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn sẽ có một số ảnh hưởng nhất định tới các ngân hàng theo Thông tư 08/2020/TT-NHNN được Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 14/08/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư 22/2019/TT-NHNN đã gây áp lực lên nhu cầu huy động kỳ hạn dài của, làm tăng chi phí vốn và áp lực thu hẹp biên lãi ròng (NIM).
- TCTD đã triển khai các chính sách hỗ trợ, chương trình ưu đãi như ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, v.v. ... hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại nghị quyết 97/NQ-CP năm 2023, nghị quyết 105/NQ-CP năm 2023, theo tinh thần công văn số 6385/NHNN-CSTT ngày 14/08/2023 về việc giảm lãi cho vay từ 1,5% đến 2,0% để hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Vì thế thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.
- Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10, khóa XIII, tầm nhìn của Chính phủ về tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 là 7,5% - 8,5% mỗi năm. Để đạt được mức tăng trưởng này, yếu tố then chốt là thực hiện kế hoạch giải ngân đầu tư công đúng tiến độ vào các dự án trọng điểm của Chính phủ. Vì vậy, đầu tư công được kỳ vọng sẽ nhanh chóng được thúc đẩy từ đầu năm 2025, ngay khi các luật mới ban hành đi vào hiệu lực và kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết kỳ vọng được hưởng lợi lớn từ chiến lược này và lan tỏa sang các thành viên của thị trường trong đó có BVBank

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị trường nhưng BVBank luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm. Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVBank vẫn đang trong tiến trình củng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ



thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

## **10. Vị thế của BVBank so với các ngân hàng khác trong ngành:**

### **10.1 Vị thế của BVBank trong ngành**

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, BVBank đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BVBank cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVBank là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của BVBank trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BVBank luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVBank tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVBank đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVBank đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và công nghệ như: giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn, website mới [bvbank.net.vn](http://bvbank.net.vn), hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVBank đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVBank đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVBank cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVBank đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVBank vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng ...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập



trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm 2024 và Quý 1/2025, hoạt động của BVBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, như sau:

- Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, cuối năm 2022 tăng hơn 3% so với năm 2021 và đến năm 2023 đạt 87.884 tỷ đồng tăng 11% so với năm 2022. Kết thúc năm 2024, tổng tài sản đạt 103.536 tỷ đồng, tăng trưởng 17,8% so với cùng kỳ năm 2023. Kết thúc Quý 1/2025, tổng tài sản đạt 110.118 tỷ đồng, tăng 6,3% so với cuối năm 2024 và bằng 90,3% mục tiêu của năm 2025.
- Hoạt động huy động vốn: BVBank luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 80.031 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022; trong đó, huy động thị trường 1 đạt mức 67.162 tỷ đồng, tăng hơn 12% so với năm 2022. Đến 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động đạt 95.400 tỷ đồng, tăng 19,2% so với đầu năm. Đến 31/03/2025, tổng nguồn vốn huy động đạt 102.075 tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2024.
- Hoạt động tín dụng: tập trung vào các ngành trọng yếu mà nhà nước khuyến khích, hướng đến các khách hàng tiềm năng như SME. Tăng trưởng tín dụng trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro, tăng dần tỷ trọng tín dụng bán lẻ. Dư nợ cho vay thị trường 1 năm 2023 đạt 57.768 tỷ đồng tăng hơn 13% so với năm 2022 và đến 31/12/2024, dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 68.142 tỷ đồng tăng gần 18% so với thời điểm cuối năm 2023. Đến 31/03/2025, dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 70.821 tỷ đồng tăng 3,9% so với cuối năm 2024, chiếm 88% kế hoạch 2025.
- BVBank trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Trong năm 2024, công tác kiểm soát chặt chẽ đi kèm tăng cường xử lý nợ xấu nên chi phí dự phòng được kiểm soát tăng dưới 10% so với năm trước.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất đạt được trong năm 2023: Lợi nhuận trước thuế đạt 72 tỷ đồng giảm 84,2% so với năm 2022; Tổng thu nhập hoạt động đạt 1.755 tỷ, giảm 8,45% so với năm 2022. Kết quả kinh doanh hợp nhất đạt được lũy kế hết năm 2024: Lợi nhuận trước thuế đạt 391 tỷ đồng, hoàn thành 112% kế hoạch năm chủ yếu nhờ thu nhập lãi thuần tăng 56% và lãi từ kinh doanh ngoại hối tăng hơn 109%. Hết 31/03/2025, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 80 tỷ đồng hoàn thành 14,5% kế hoạch năm.
- Trong các giai đoạn hoạt động, BVBank luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức 9% - 13%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.
- Trong giai đoạn sắp tới, BVBank tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn

thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

## **10.2 Triển vọng phát triển ngành**

Kinh tế thế giới năm 2024 tiếp tục gặp nhiều rủi ro, bất ổn, tác động tiêu cực đến tăng trưởng bền vững. Riêng tại Việt Nam, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%). Tính chung GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước. Ngành ngân hàng ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực trong năm 2024, tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08% so với cuối năm 2023 và tín dụng tập trung vào các sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; đầu năm 2025 NHNN đã giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 16% cho năm 2025 đến các ngân hàng để thực hiện.

Năm 2025, ngành ngân hàng vẫn được đánh giá là động lực tăng trưởng cho nền kinh tế với nhiều ngân hàng duy trì lợi nhuận cao và tăng trưởng lợi nhuận cao hơn so với các ngành nghề khác, điều này phù hợp với mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ trong năm 2025. Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng được thể hiện qua các con số các ngân hàng niêm yết đã đạt được khi kết thúc Quý 1/2025: Nhóm ngân hàng chiếm tới 8 trong 10 doanh nghiệp có lợi nhuận trước thuế cao nhất quý 1/2025; nhiều ngân hàng thương mại cổ phần báo lãi tăng mạnh, với mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế dao động từ 10% đến hơn 120% so với cùng kỳ dù mặt bằng lãi suất ở mức thấp những tháng đầu năm.

### **Tăng trưởng tín dụng hoàn thành mục tiêu đề ra cho năm 2024 và tiếp tục đóng góp tích cực cho mục tiêu tăng trưởng GDP 8% năm 2025 của Chính phủ:**

Báo cáo của NHNN cho thấy, tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08 % so với cuối năm 2023, tương đương với 2,1 triệu tỷ đồng đã được bơm vào nền kinh tế, hoàn thành vượt kế hoạch tăng trưởng tín dụng 15% cho cả năm 2024. Với mục tiêu đặt ra trong năm 2025 dư nợ tăng trưởng 16%, lãi suất cho vay tiếp tục giảm để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trong năm, tính đến hết quý I/2025, tăng trưởng tín dụng đã đạt 3,93% gấp 2,5 lần so với mức 1,42% cùng kỳ năm trước, lãi suất cho vay tiếp tục giảm 0,4% so với cuối năm 2024 cho thấy đóng góp tích cực tổng đầu tư toàn xã hội trong thời gian vừa qua của ngành Ngân hàng.

**Chính sách tiền tệ và Lãi suất được điều hành linh hoạt, hợp lý:** Trong năm 2024, lạm phát của Việt Nam là 3,63%, tăng trưởng kinh tế là 7,09%, chính sách tiền tệ của NHNN góp phần quan trọng vào kết quả này. Trong điều hành lãi suất, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế; tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để phần đầu giảm lãi suất cho vay, đồng thời, yêu cầu các TCTD thực hiện báo cáo và công bố công khai mức lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân trên trang thông tin điện tử của



TCTD. Trong Quý 1/2025, sau khi một số NHTM tăng lãi suất huy động, NHNN đã tổ chức cuộc họp và sau đó các ngân hàng điều chỉnh giảm. Mặt bằng lãi suất huy động mới chỉ tăng 0,08%, trong khi lãi suất cho vay tiếp tục giảm 0,4% so với cuối năm 2024 cho thấy nỗ lực của hệ thống ngân hàng trong việc hỗ trợ nền kinh tế.

**Tỷ giá tăng nhẹ và NHNN điều hành linh hoạt:** nhờ sự phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ của NHNN, thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, thanh khoản ngoại tệ thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ; tỉ giá diễn biến linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm, phù hợp với điều kiện thị trường. Trong năm 2024, tỉ giá VND/USD có thời điểm tăng hơn 7%, nhưng vẫn là mức tăng thấp hơn so với nhiều nước trên thế giới. Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong số các quốc gia có tỉ giá ổn định. Cuối năm, tỉ giá tăng khoảng hơn 5%, được đánh giá là mức hài hòa, bảo đảm doanh nghiệp và nhà đầu tư không lo ngại, không có tâm lý đầu cơ và găm giữ ngoại tệ. Ngoài ra, việc giảm lãi suất giúp ổn định tỷ giá, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, giảm chi phí vốn nợ và đầu tư bằng ngoại tệ của doanh nghiệp tại Việt Nam. Kết thúc Quý 1/2025, NHNN đánh giá tỷ giá sẽ diễn biến phức tạp, khó lường khi xảy ra sự kiện Mỹ tuyên bố sắc thuế mới và các đối tác thương mại áp dụng trả đũa, tuy nhiên NHNN cũng sẵn sàng các công cụ để cân nhắc hài hòa sự đánh đổi tỷ giá với mục tiêu giảm lãi suất và nới room tín dụng để hỗ trợ nền kinh tế: NHNN không chỉ không bán ra USD nhằm ổn định tỷ giá mà còn tăng tỷ giá trung tâm, chấp nhận một mức biến động tỷ giá mạnh hơn nhằm giảm bớt áp lực lên dự trữ ngoại hối.

**Nợ xấu và nợ tiềm ẩn rủi ro tiếp tục tăng:**

Năm 2024, hệ thống ngân hàng Việt Nam chứng kiến làn sóng nợ xấu tăng mạnh, đặc biệt là nợ có khả năng mất vốn, điều này phản ánh những khó khăn ngày càng lớn của doanh nghiệp trong nền kinh tế hậu COVID-19.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tính đến hết năm 2024, tổng dư nợ tại các tổ chức tín dụng hơn 16,9 triệu tỷ đồng. Trong đó, nợ nhóm 2 (các khoản vay có dấu hiệu cảnh báo rủi ro) tại các ngân hàng thương mại là hơn 211.709 tỷ đồng, chiếm 1,25% tổng dư nợ. Con số này đã giảm 7% so với cuối năm 2023. Trong đó, nhóm ngân hàng thương mại cổ phần chiếm phần lớn với hơn 118.756 tỷ đồng, tương đương 56,1% tổng nợ nhóm 2 của toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại.

Tính chung, nợ xấu nội bảng của các ngân hàng thương mại tính đến ngày 31/12/2024 ở mức hơn 733.904 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cuối năm 2023. Nợ xấu gia tăng, đòi hỏi ngân hàng cũng phải gia tăng bộ đệm dự phòng. Điều này không chỉ bóp nghẹt lợi nhuận ngân hàng mà còn đe dọa sự ổn định tài chính và khiến nền kinh tế đối mặt với nguy cơ suy giảm tín dụng, kéo theo hệ lụy tiêu cực đến đầu tư và tiêu dùng.

Kết thúc Quý 1/2025, dù chưa có con số thống kê cuối cùng nhưng nợ xấu tại hệ thống tín dụng được dự báo sẽ gia tăng do căng thẳng thương mại khiến các DN xuất khẩu gặp khó khăn về dòng tiền vì đơn hàng xuất khẩu giảm, làm suy yếu khả năng trả nợ, đồng thời diễn



biến thị trường bất động sản chưa hồi phục trong quý 1 dẫn đến cũng chưa cải thiện đáng kể tình hình nợ xấu tại các ngân hàng.

**Lợi nhuận tăng trưởng mạnh, nổi bật ở nhóm ngân hàng tư nhân:**

Theo báo cáo của 27 ngân hàng thương mại niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, tổng lợi nhuận trước thuế ngành ngân hàng năm 2024 đạt 299,377 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước, nhờ tổng thu nhập tăng nhanh hơn chi phí. Trong đó, BVBank là ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận cao nhất trong năm 2024 do mức nền thấp của năm 2023, cụ thể lợi nhuận trước thuế năm 2024 của BVBank đạt 391 tỷ đồng gấp 5,4 lần năm 2023.

Năm 2025, dự báo lợi nhuận ngành ngân hàng sẽ tiếp tục tăng trưởng 2 con số, đạt từ 15-18% khi tốc độ tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì 14-15%. Động lực tăng trưởng tín dụng đến từ mặt bằng lãi suất thấp, hỗ trợ tạo lực đẩy cho nhu cầu vay vốn; tín dụng bán lẻ tăng tốc với lực đẩy từ hoạt động kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng, trong khi cho vay mua nhà cũng có dấu hiệu hồi phục khả quan; tín dụng bán buôn duy trì ổn định nhờ hoạt động sản xuất, xuất khẩu tích cực, thúc đẩy giải ngân đầu tư công và thị trường bất động sản tiếp đà hồi phục, kéo theo tăng trưởng tín dụng các phân khúc cho vay doanh nghiệp bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng.

**10.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành (tại 31/12/2024):**

**So sánh một số chỉ tiêu tài chính riêng lẻ tại thời điểm 31/12/2024 của BVBank với một số ngân hàng**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Tiêu chí/Mã cổ phiếu niêm yết của các Ngân hàng | BVBank  | NCB     | Vietbank | PGBank | VAB     |
|-------------------------------------------------|---------|---------|----------|--------|---------|
| Vốn điều lệ                                     | 5.518   | 11.780  | 7.139    | 4.200  | 5.400   |
| VCSH                                            | 6.121   | 6.089   | 8.701    | 5.166  | 8.797   |
| Tổng tài sản                                    | 103.637 | 118.559 | 162.859  | 73.015 | 119.812 |
| Tiền gửi khách hàng                             | 67.524  | 96.185  | 94.846   | 43.326 | 90.371  |
| Cho vay khách hàng                              | 67.189  | 69.978  | 92.493   | 40.812 | 79.157  |
| Tổng thu nhập hoạt động                         | 2.303   | -1.783  | 2.811    | 1.659  | 2.323   |
| LNTT                                            | 390     | -5.140  | 1.131    | 425    | 1.045   |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2024 của các ngân hàng)*

**10.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an

toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì BVBank với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua việc đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại nhiều kết quả tốt.

**Đổi mới mô hình tăng trưởng:** từ dựa vào lợi thế quy mô là chính, đến nay BVBank đã có bước chuyển mình để tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng mạng khách hàng bán lẻ và SME.

**Thay đổi phương thức kinh doanh:** BVBank đã chuyển sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết thay vì cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng như trước kia.

**Quản trị chi phí hiệu quả:** Hoạt động quản trị tài chính của Ngân hàng được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và có hiệu quả hơn.

**Quản lý tốt chất lượng tài sản:** Trong thời gian qua, BVBank đã tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro. Đối với những tài sản có rủi ro, Ngân hàng nhanh chóng đưa ra những phương án để tập trung quản trị đạt hiệu quả tối đa.

**Kiến toàn mô hình cơ cấu tổ chức:** Bộ máy tổ chức được cơ cấu tinh gọn, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả trong mạng lưới.

## **11. Chính sách đối với người lao động**

**11.1 Số lượng người lao động:** tại thời điểm 31/12/2023 tổng số CBNV của Ngân hàng là 2.568 người; tại ngày 31/12/2024 là 2.853 người và tính đến ngày 31/03/2025 tổng số lao động là 2.920 người.

### **11.2 Chính sách đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đãi ngộ khen thưởng, tuyển dụng**

#### **❖ Chính sách đào tạo**

- Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua hoạt động tư vấn và đào tạo, góp phần phát triển tổ chức, hoàn thiện công tác quản trị, kinh doanh và văn hóa tổ chức. BVBank xác định rõ chiến lược hoạt động dựa trên năm trụ cột: ngân sách, quy trình, con người, công nghệ và văn hóa giáo dục.
- Hằng năm, dựa trên nhu cầu đào tạo của Đơn vị, BVBank phân tích lập kế hoạch đào tạo và phân bổ ngân sách đào tạo tương ứng để hoạt động đào tạo được chủ động trong chi tiêu và kiểm soát chi phí hiệu quả.



- Định kỳ rà soát và xây dựng các văn bản lập quy liên quan, bao gồm quy định, quy trình, hướng dẫn, xác định đầy đủ cơ chế và thủ tục cho hoạt động đào tạo của hệ thống.
- BVBank cũng đã tiến hành bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nội bộ hàng năm, đây là đội ngũ đóng vai trò nòng cốt trong việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tại BVBank. Bên cạnh BVBank cũng có xây dựng chính sách đãi ngộ cho Giảng viên nội bộ khi tham gia công tác giảng dạy.
- Về công tác đào tạo: Từ 01/2024 đến 31/3/2025, BVBank đã tổ chức số 475 lớp với 61954 lượt đào. Trong đó các nội dung đào tạo tập trung vào việc củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng, kỹ năng bán và chăm sóc khách hàng; các lớp đào tạo về các nghiệp vụ liên quan đến quản lý rủi ro, thẩm định tín dụng, nghiệp vụ bảo lãnh, thanh toán, nghiệp vụ quản lý tín dụng, cũng như tập trung đào tạo văn bản mới cho nhóm CBNV là thành phần chịu tác động của những văn bản đó nắm được quy trình, quy định, để phục vụ tốt cho công việc; BVBank cũng thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo của NHNN và các hội thảo, hội nghị của các tổ chức đào tạo để thường xuyên trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin, xu thế và những thay đổi của Pháp luật.
- Bắt đầu từ tháng 8/2024, Ngân hàng tổ chức chuỗi “Phát triển hoạt động tín dụng KHCN/ KHDN” với những buổi chia sẻ định kỳ từ GD Khối/Trưởng Phòng/Phó phòng HO tới đội ngũ lãnh đạo ĐVKD để cập nhật nhanh chóng những định hướng, kiến thức về sản phẩm và những thay đổi của quy trình, quy định liên quan đến hoạt động bán hàng của khối KHCN và KHDN.
- Năm 2024, BVBank tiếp tục tập trung vào việc xây dựng giáo trình đào tạo điện tử cũng như nâng cấp giáo trình đa dạng và phong phú, đẩy mạnh việc tương tác nhằm nâng cao chất lượng nội dung đào tạo và tăng trải nghiệm người dùng trong quá trình tự học trên hệ thống E-Learning.
- Ngoài ra, BVBank đã rà soát hiệu chỉnh và ban hành lộ trình học tập trong năm 2025 cho các chức danh tân tuyển tại Đơn vị kinh doanh và 1 số đơn vị tại Hội sở và đã đi vào vận hành ổn định. Năm 2024, BVBank tiếp tục tập trung xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ tại ĐVKD thuộc các Khối Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp và Dịch vụ khách hàng (Sales Pro, Leader Pro, Phát triển năng lực dành cho KSV, phát triển năng lực dành cho đội ngũ Hỗ trợ tín dụng, chương trình đào tạo dành cho đội ngũ nhân sự thuộc Trung tâm Thẩm định Tín dụng) và các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý cấp trung (SLII, Next Gen Leader, ...). Đặc biệt là chương trình nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý cấp cao và đội ngũ quản lý kế cận (SECO).

- Bên cạnh đó, BVBank đã đầu tư vào việc xây dựng mới “Hệ thống Đào tạo và Phát triển năng lực” thay thế cho hệ thống tự học trực tuyến E-Learning cũ với nhiều tính năng cải tiến nhằm tăng trải nghiệm người dùng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học của CBNV, cũng như nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực triển khai vận hành các chương trình đào tạo và hiệu quả trong công tác quản lý dữ liệu học tập của toàn hàng.

❖ Chính sách lương, thưởng

Ngân hàng áp dụng các chính sách tiền lương, thưởng, đãi ngộ, các chính sách quy hoạch phát triển nghề nghiệp làm đòn bẩy thu hút, giữ chân nhân tài, khuyến khích nhân viên nâng cao năng suất lao động. Cụ thể:

- Cơ chế lương, thưởng tiếp tục được hoàn thiện, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và theo định hướng gắn liền với phạm vi trách nhiệm công việc, năng lực cá nhân và hiệu quả công việc của NLĐ. Cơ chế thu nhập, thưởng kinh doanh theo KPIs được áp dụng linh hoạt từ Hội sở đến ĐVKD: cơ chế cho đội ngũ sales, thu hồi nợ, thẩm định tín dụng, ... tiếp tục được triển khai và điều chỉnh cùng với các chương trình thưởng thi đua thường xuyên khác để nâng cao năng suất lao động.
- Các chính sách chi thưởng kinh doanh, thưởng năng suất lao động được Ngân hàng chi trả định kỳ hàng tháng/quý cho CBNV theo kết quả hoàn thành công việc, hiệu quả kinh doanh của từng CBNV. Bên cạnh đó, các chính sách khen thưởng theo các hình thức thi đua thường xuyên, chuyên đề, đột xuất đối với những cá nhân tập thể đạt thành tích cao, có sáng kiến mang lại hiệu quả cho Ngân hàng được Ngân hàng áp dụng đúng người, đúng việc, chú trọng tính kịp thời trong công tác khen thưởng.
- Việc rà soát, điều chỉnh thu nhập căn cứ năng lực và kết quả công việc được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đảm bảo mục tiêu tạo động lực cho CBNV làm việc.
- Hàng năm, BVBank triển khai chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp đối với CBNV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của Ngân hàng, tạo nguồn nhân sự có chất lượng để đáp ứng nhu cầu cấp quản lý của BVBank. CBNV thuộc danh sách quy hoạch tiềm năng được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo quy định của BVBank từng thời kỳ.

❖ Chính sách đãi ngộ

- Bên cạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ thường niên theo từng đối tượng đúng quy định của Pháp luật và nghiêm túc thực hiện việc trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo luật định, Ngân hàng đồng thời áp dụng chính sách cho vay ưu đãi, chính sách mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBNV và người thân nhằm nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV, đồng thời chia sẻ, giảm thiểu những thiệt hại trong trường hợp có rủi ro xảy ra đối với CBNV và gia đình.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Ngân hàng ngày càng nâng cao chế độ phúc lợi đối với NLĐ như áp dụng các chính sách tăng ngày nghỉ phép thường niên theo cấp bậc và hiệu quả công việc, bổ sung chế độ du lịch nước ngoài dành cho nhân sự quản lý ĐVKD đạt chỉ tiêu, chương trình mang lại hiệu quả và tính kết nối cao, góp phần thu hút và giữ chân nhân sự.

❖ **Chính sách trợ cấp:**

- Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBNV theo đúng quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBNV đáp ứng điều kiện xác lập quan hệ lao động với Ngân hàng. CBNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước.
- Về chính sách hỗ trợ công việc và chế độ phúc lợi cho CBNV: bao gồm các khoản chi đồng phục, hỗ trợ thuê xe, công tác phí, thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, du lịch nghỉ mát, hội thao... được Ngân hàng áp dụng phù hợp với hiệu quả kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi tối đa cho CBNV.

❖ **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số để đáp ứng đòi hỏi ngày một chuyên môn hóa và yêu cầu cao hơn trong công việc.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, các chương trình thúc đẩy thi đua bán hàng... để đẩy mạnh phong trào nâng cao năng suất lao động, lao động sáng tạo trong CBNV.

**12. Tình hình hoạt động tài chính**

**12.1. Các chỉ tiêu cơ bản:**

▪ **Tình hình công nợ:**

**Tình hình công nợ (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|---------------------------|------------|------------|------------|
| - Tổng giá trị tài sản có | 87.884     | 103.536    | 110.118    |
| - Tổng nợ phải trả        | 82.040     | 97.381     | 103.899    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Tình hình công nợ (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|---------------------------|------------|------------|------------|
| - Tổng giá trị tài sản có | 87.985     | 103.637    | 110.219    |
| - Tổng nợ phải trả        | 82.174     | 97.516     | 104.034    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2023,2024 và BCTC riêng tự lập Q1.2025)

▪ **Trái phiếu chưa đáo hạn**

**Trái phiếu chưa đáo hạn tại ngày 12/05/2025**

Đơn vị: tỷ đồng

| STT                                | Mã trái phiếu | Giá trị phát hành (theo mệnh giá) | Lãi suất/năm                                                          | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Kỳ trả lãi       |
|------------------------------------|---------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------|----------------|------------------|
| I                                  | Năm 2024      |                                   |                                                                       |        |                |                  |
| Trái phiếu phát hành ra công chúng |               |                                   |                                                                       |        |                |                  |
| 1                                  | BVB124020     | 1.468,55                          | -Năm đầu: 7,9%/năm<br>- Từ năm thứ 2: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm. | 6 năm  | 10/09/2024     | Định kỳ 12 tháng |
| II                                 | Năm 2025      |                                   |                                                                       |        |                |                  |
| Trái phiếu phát hành ra công chúng |               |                                   |                                                                       |        |                |                  |
| 1                                  | BVB125003     | 1.254,38                          | -Năm đầu: 8,2%/năm<br>- Từ năm thứ 2: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm. | 6 năm  | 06/01/2025     | Định kỳ 12 tháng |

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

▪ **Các khoản phải nộp theo luật định**

**Các khoản đã nộp theo luật định (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu              | 31/12/2023  |                    |               | 31/12/2024  |                    |               | 31/03/2025  |                    |               |
|-----------------------|-------------|--------------------|---------------|-------------|--------------------|---------------|-------------|--------------------|---------------|
|                       | Số phải nộp | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Số phải nộp | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Số phải nộp | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ |
| Thuế TNDN             | 21,7        | 19,5               | 2,2           | 81,5        | 39,6               | 41,9          | 58,1        | 41,9               | 16,1          |
| Thuế GTGT             | 19,2        | 17,1               | 2,1           | 28,6        | 25,4               | 3,3           | 7,7         | 6,3                | 1,4           |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 49,0        | 46,9               | 2,1           | 47,1        | 44,2               | 2,9           | 37,7        | 34,5               | 3,3           |
| Thuế nhà thầu         | 4,1         | 3,2                | 0,9           | 8,7         | 7,8                | 0,9           | 2,3         | 1,0                | 1,3           |
| Các loại thuế khác    | 0,1         | 0,1                | -             | 0,4         | 0,4                | -             | 0,2         | 0,2                | -             |



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**



|                           |             |             |            |              |              |             |              |             |             |
|---------------------------|-------------|-------------|------------|--------------|--------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
| Các loại phí, lệ phí khác | 0,7         | 0,7         | -          | 0,7          | 0,7          | -           | 0,1          | 0,1         | -           |
| <b>Tổng</b>               | <b>94,8</b> | <b>87,5</b> | <b>7,3</b> | <b>167,0</b> | <b>118,0</b> | <b>49,0</b> | <b>106,1</b> | <b>84,0</b> | <b>22,0</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Các khoản phải nộp theo luật định (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2023  |                    |               | 31/12/2024   |                    |               | 31/03/2025   |                    |               |
|---------------------------|-------------|--------------------|---------------|--------------|--------------------|---------------|--------------|--------------------|---------------|
|                           | Số phải nộp | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Số phải nộp  | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Số phải nộp  | Số đã nộp trong kỳ | Số dư cuối kỳ |
| Thuế TNDN                 | 21,4        | 19,3               | 2,2           | 81,3         | 39,3               | 41,9          | 57,9         | 41,9               | 16,0          |
| Thuế GTGT                 | 19,1        | 17,0               | 2,2           | 28,5         | 25,3               | 3,3           | 7,7          | 6,3                | 1,4           |
| Thuế Thu nhập cá nhân     | 48,9        | 46,8               | 2,1           | 47,1         | 44,2               | 2,9           | 37,7         | 34,4               | 3,3           |
| Thuế nhà thầu             | 4,1         | 3,2                | 0,9           | 8,7          | 7,8                | 0,9           | 2,3          | 1,0                | 1,3           |
| Các loại thuế khác        | 0,8         | 0,8                | -             | 0,4          | 0,4                | -             | 0,1          | 0,1                | -             |
| Các loại phí, lệ phí khác | -           | -                  | -             | 0,7          | 0,7                | -             | 0,1          | 0,1                | -             |
| <b>Tổng</b>               | <b>94,4</b> | <b>87,1</b>        | <b>7,2</b>    | <b>166,6</b> | <b>117,6</b>       | <b>49,0</b>   | <b>105,9</b> | <b>83,9</b>        | <b>22,0</b>   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2023,2024 và BCTC riêng tự lập Q1.2025)

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong năm 2023 và năm 2024.

▪ **Trích lập các quỹ**

**Trích lập các quỹ (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu cuối kỳ                 | 31/12/2023    | 31/12/2024    | 31/03/2025    |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển          | 1,56          | 1,56          | 1,56          |
| - Quỹ dự phòng tài chính         | 192,20        | 197,6         | 197,6         |
| - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 54,70         | 57,5          | 57,5          |
| - Quỹ khác                       | 1,29          | 1,3           | 1,3           |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>249,75</b> | <b>257,96</b> | <b>257,96</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Trích lập các quỹ (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu cuối kỳ | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|------------------|------------|------------|------------|
|------------------|------------|------------|------------|

| Chỉ tiêu cuối kỳ                 | 31/12/2023    | 31/12/2024    | 31/03/2025    |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển          | 1,56          | 1,56          | 1,56          |
| - Quỹ dự phòng tài chính         | 169,89        | 175,2         | 175,2         |
| - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 43,55         | 46,3          | 46,3          |
| - Quỹ khác                       | 1,29          | 1,3           | 1,3           |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>216,29</b> | <b>224,35</b> | <b>224,35</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2023,2024 và BCTC riêng tự lập Q1.2025)

Ngân hàng Bản Việt thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2027/QH14, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng.

## 12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Các chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)

DVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu (Hợp nhất)                                                       | 31/12/2023 | 31/12/2024 | %<br>Tăng/giảm<br>2024/2023 | 31/03/2025 |
|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------|------------|
| <b>1. Quy mô vốn</b>                                                      |            |            |                             |            |
| - Vốn điều lệ                                                             | 5.017      | 5.518      | 10,00%                      | 5.518      |
| - Tổng tài sản có                                                         | 87.884     | 103.536    | 17,81%                      | 110.118    |
| - Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)                                                 | 11,33%     | 11,90%     | 5,03%                       | 13,06%     |
| <b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                                    |            |            |                             |            |
| - Huy động tiền gửi khách hàng                                            | 57.139     | 67.389     | 17,94%                      | 71.012     |
| - Dự nợ cho vay khách hàng                                                | 57.768     | 68.142     | 17,96%                      | 70.821     |
| - Nợ quá hạn                                                              | 3.103      | 3.074      | 5,72%                       | 3.704      |
| - Nợ xấu                                                                  | 1.914      | 2.185      | 10,00%                      | 2.432      |
| - Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)      | 19,96%     | 24,86%     | 20,39%                      | 22,92%     |
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ tổng số dự bảo lãnh                          | 0%         | 0%         | 0%                          | 0%         |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (tính theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN)        | 4,50%      | 3,69%      | -18,00%                     | 4,21%      |
| - Tỷ lệ nợ xấu /Tổng dư nợ (tính theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN)           | 2,77%      | 2,59%      | -6,50%                      | 2,76%      |
| <b>3. Khả năng thanh khoản</b>                                            |            |            |                             |            |
| - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân | 15,20%     | 12,40%     | -18,42%                     | 11,57%     |
| - Tỷ lệ dự nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)                                | 72,78%     | 76,78%     | 5,49%                       | 72,95%     |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày                                    | 125,34%    | 93,28%     | -32,06%                     | 188,31%    |



| Chỉ tiêu (Hợp nhất)                        | 31/12/2023 | 31/12/2024 | %<br>Tăng/giảm<br>2024/2023 | 31/03/2025 |
|--------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------|------------|
| VNĐ                                        |            |            |                             |            |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày USD | -375,22%   | 34,92%     | 410,14%                     | 166,49%    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Các chỉ tiêu tài chính (Riêng lẻ)**

DVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu (Riêng lẻ)                                                       | 31/12/2023 | 31/12/2024 | %<br>Tăng/giảm<br>2024/2023 | 31/03/2025 |
|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------|------------|
| <b>1. Quy mô vốn</b>                                                      |            |            |                             |            |
| - Vốn điều lệ                                                             | 5.017      | 5.518      | 9,99%                       | 5.518      |
| - Tổng tài sản có                                                         | 87.985     | 103.637    | 17,79%                      | 110.219    |
| - Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)                                              | 11,27%     | 11,85%     | 5,15%                       |            |
| <b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                                    |            |            |                             |            |
| - Huy động tiền gửi khách hàng                                            | 57.274     | 67.524     | 17,90%                      | 71.147     |
| - Dự nợ cho vay khách hàng                                                | 57.768     | 68.142     | 17,96%                      | 70.821     |
| - Nợ quá hạn                                                              | 3.103      | 3.074      | 5,72%                       | 3.704      |
| - Nợ xấu                                                                  | 1.914      | 2.185      | 10,00%                      | 2.432      |
| - Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)      | 19,92%     | 24,81%     | 20,38%                      | 22,88%     |
| - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/tổng số dự bảo lãnh                           | 0%         | 0%         | 0%                          | 0%         |
| - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dự nợ (theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN)             | 4,50%      | 3,69%      | -18,00%                     | 4,21%      |
| - Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dự nợ (theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN)                 | 2,77%      | 2,59%      | -6,50%                      | 2,76%      |
| <b>3. Khả năng thanh khoản</b>                                            |            |            |                             |            |
| - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân | 15,19%     | 12,39%     | -18,44%                     | 11,56%     |
| - Tỷ lệ dự nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)                                | 72,65%     | 76,66%     | 5,52%                       | 72,85%     |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VNĐ                                | 125,34%    | 93,28%     | -32,06%                     | 188,31%    |
| - Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày USD                                | -375,22%   | 34,92%     | 410,14%                     | 166,49%    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2023,2024 và BCTC riêng tự lập Q1.2025)

**13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

**13.1. Hội đồng Quản trị**

**13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

|                                         |                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên:                              | <b>LÊ ANH TÀI.</b>                                                                                                                   |
| Giới tính:                              | Nam.                                                                                                                                 |
| Ngày tháng năm sinh:                    | 25/02/1972.                                                                                                                          |
| Quốc tịch:                              | Việt Nam.                                                                                                                            |
| Trình độ học vấn:                       | 12/12                                                                                                                                |
| Trình độ chuyên môn:                    | Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM.                                                                                              |
| Quá trình công tác:                     |                                                                                                                                      |
| 1991 – 04/1995                          | Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.                                                                                             |
| 04/1995 – 10/1996                       | Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân.                                                                                   |
| 11/1996 – 03/2001                       | Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt.                              |
| 04/2001 – 06/2002                       | Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu.                                                                           |
| 07/2002 – 05/2003                       | Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM.                                         |
| 06/2003 – 02/2007                       | Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á.                            |
| 03/2007 – 04/2010                       | Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương). |
| 05/2010 – 10/2011                       | Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa.                                                                           |
| 05/2012 – 08/2012                       | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long.                                                                                          |
| 08/2012 – 04/2013                       | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                           |
| 05/2013 – nay                           | Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                  |
| Chức vụ hiện tại:                       | Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không có.                                                                                                                            |



Số cổ phần nắm giữ: 15.809.528 cổ phần, chiếm 2,8648% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 15.809.528 cổ phần, chiếm 2,8648% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Bà Huỳnh Thanh Phương (Vợ) nắm giữ 253 cổ phần, chiếm 0,000045%.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên            | Mối quan hệ   | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|----------------|---------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Lê Anh Tài | Chủ tịch HĐQT | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 291                                     | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                |               |                             | 728                                     | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                |               |                             | 225                                     | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm như sau:

| Thù lao cơ bản        | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 2.403                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CDHH |

Các khoản nợ đối với BVBank: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.

### 13.1.2. Thành viên thường trực HĐQT

Họ và tên: **NGUYỄN THANH PHƯƠNG.**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1980.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.

**Quá trình công tác:**

|                                         |                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1997 – 7/2001                        | Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.                                                                                                                            |
| 10/2001 – 12/2003                       | Sinh viên Đại học International University in Geneva.                                                                                                                 |
| 4/2004 – 5/2006                         | Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd.                                                                                                                    |
| 6/2006 – 8/2007                         | Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management.                                                                                                                     |
| 10/2007 – nay                           | Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.                                                                                                        |
| 11/2007 – nay                           | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.                                                                                                                        |
| 5/2007 – nay                            | Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt.                                                                                                                     |
| 2/2012 – nay                            | Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                                                              |
| Chức vụ hiện tại:                       | Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                                                              |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.<br>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.<br>Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt. |
| Số cổ phần nắm giữ:                     | 25.153.331 cổ phần, chiếm 4,558% vốn điều lệ, trong đó:                                                                                                               |
| - Sở hữu cá nhân:                       | 25.153.331 cổ phần, chiếm 4,558% vốn điều lệ.                                                                                                                         |
| - Đại diện sở hữu:                      | Không có.                                                                                                                                                             |
| Sở hữu của người có liên quan           | Không có.                                                                                                                                                             |

**Lợi ích liên quan đối với BVBank:**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**



| STT | Tên                              | Mối quan hệ                                                         | Tên hợp đồng/loại giao dịch                 | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thanh Phụng            | Thành viên thường trực HĐQT                                         | Mua giấy tờ có giá                          | -                                       | 2022                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | -                                       | 2023                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | -                                       | 2024                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2024 |
|     |                                  |                                                                     | Tiền gửi/Tiết kiệm                          | 298.314                                 | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 272.728                                 | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 268.588                                 | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
| 2   | Công ty CP Good Day Hospitalit y | Bà Nguyễn Thanh Phụng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty | Cho vay                                     | 72.148                                  | 2022                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 95.379                                  | 2023                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 102.417                                 | 2024                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2024 |
|     |                                  |                                                                     | Tiền gửi/Tiết kiệm                          | 47.474                                  | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 48.306                                  | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 52.265                                  | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
| 3   | Công ty CP Chứng khoán Bản Việt  | Bà Nguyễn Thanh Phụng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty | Số dư của BVB tại CTCP Chứng khoán Bản Việt | 930                                     | 2022                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 2.927                                   | 2023                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 408                                     | 2024                | Ban TGD                      | Số dư tại 31/12/2024 |
|     |                                  |                                                                     | Tiền gửi/Tiết kiệm của CTCP CK              | 423.749                                 | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|     |                                  |                                                                     |                                             | 43.825                                  | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |

|   |                                                    |                                                                      |                    |         |      |  |                      |
|---|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|------|--|----------------------|
|   |                                                    |                                                                      | Bảo Việt tại BV    | 137.789 | 2024 |  | Số dư tại 31/12/2024 |
| 4 | Công ty CP BĐS Bảo Việt                            | Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên HĐQT của Công ty                | Tiền gửi/Tiết kiệm | 599     | 2022 |  | Số dư tại 31/12/2022 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 620     | 2023 |  | Số dư tại 31/12/2023 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 3.148   | 2024 |  | Số dư tại 31/12/2024 |
| 5 | Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bảo Việt | Bà Nguyễn Thanh Phương là Chủ tịch HĐQT của Công ty                  | Tiền gửi/Tiết kiệm | 47.378  | 2022 |  | Số dư tại 31/12/2022 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 47.629  | 2023 |  | Số dư tại 31/12/2023 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 40.259  | 2024 |  | Số dư tại 31/12/2024 |
| 6 | Công ty TNHH Phoenix Holdings                      | Bà Nguyễn Thanh Phương là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty | Tiền gửi/Tiết kiệm | 3.779   | 2022 |  | Số dư tại 31/12/2022 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 2.526   | 2023 |  | Số dư tại 31/12/2023 |
|   |                                                    |                                                                      |                    | 5.890   | 2024 |  | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm như sau:

| Thù lao cơ bản        | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 1.788                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CDHH |

Các khoản nợ đối với BVBank Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân Không có.



hàng:

Những người có liên quan: Không có.

**13.1.3. Thành viên HĐQT**

**a. Ông Ngô Quang Trung**

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/12/1973.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Quá trình công tác:

08/1995 – 11/2000 Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

12/2000 – 04/2003 Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

05/2004 – 09/2007 Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

10/2007 – 06/2009 Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

2007 – 2010 Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt).

07/2009 – 12/2012 Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

01/2013 – 01/2014 Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa.

01/2014 – 03/2015 Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada).

04/2015 – 03/2016 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

03/2016 – nay Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng

TMCP Bản Việt.

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 17.248.000 cổ phần, chiếm 3,125% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 17.248.000 cổ phần, chiếm 3,125% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024):

| Tên                 | Mối quan hệ     | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|---------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Ngô Quang Trung | Thành viên HĐQT | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 2.763                                   | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                     |                 |                             | 204                                     | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                     |                 |                             | 778                                     | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm như sau:

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 4.264                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CĐHH |

Các khoản nợ đối với BVBank: Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.



**b. Ông Nguyễn Nhất Nam**

|                                         |                                                                                             |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên:                              | NGUYỄN NHẤT NAM.                                                                            |
| Giới tính:                              | Nam.                                                                                        |
| Ngày tháng năm sinh:                    | 26/09/1981.                                                                                 |
| Quốc tịch:                              | Việt Nam.                                                                                   |
| Trình độ học vấn:                       | 12/12                                                                                       |
| Trình độ chuyên môn:                    | Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế.                                               |
| Quá trình công tác:                     |                                                                                             |
| 09/1999 – 09/2011                       | Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TP HCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin.        |
| 09/2001 – 09/2005                       | Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TP HCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại).     |
| 09/2005 – 12/2006                       | Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn - CN Cà Mau.                                             |
| 12/2006 – 09/2009                       | Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.                                       |
| 09/2009 – 07/2010                       | Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.                                       |
| 07/2010 – 10/2011                       | Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia - CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. |
| 11/2011 – 12/2011                       | Phó phòng phụ trách tín dụng-Ngân hàng TMCP Gia Định.                                       |
| 12/2011 – 05/2012                       | Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.                    |
| 05/2012 – 07/2015                       | Giám đốc Khối phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                |
| 07/2015 – 06/2020                       | Giám đốc Khối thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                   |
| 06/2020 – nay                           | Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                    |
| Chức vụ hiện tại:                       | Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                    |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không có.                                                                                   |

|                               |                                                                    |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Số cổ phần nắm giữ:           | 5.503.119 cổ phần, chiếm 0,997% vốn điều lệ.                       |
| - Sở hữu cá nhân:             | 5.503.119 cổ phần, chiếm 0,997% vốn điều lệ.                       |
| - Đại diện sở hữu:            | Không có.                                                          |
| Sở hữu của người có liên quan | Bà Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ) nắm giữ 5.789.256 cổ phần, chiếm 1,05%. |

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên                 | Mối quan hệ     | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|---------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Nhất Nam | Thành viên HĐQT | Tiền gửi/ Tiết kiệm         | 55                                      | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                     |                 |                             | 1.657                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                     |                 |                             | 587                                     | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm như sau:

| Thù lao cơ bản        | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 1.389                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CĐHH |

|                                   |           |
|-----------------------------------|-----------|
| Các khoản nợ đối với BVBank       | Không.    |
| Hành vi vi phạm pháp luật:        | Không có. |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng | Không có. |

**13.1.4. Thành viên độc lập HĐQT**

|                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| Họ và tên:           | <b>PHẠM QUANG KHÁNH.</b> |
| Giới tính:           | Nam.                     |
| Ngày tháng năm sinh: | 20/05/1985.              |
| Quốc tịch:           | Việt Nam.                |

|                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trình độ học vấn:                                                                                                                                                                                                             | 12/12                                                                                                                                |
| Trình độ chuyên môn:                                                                                                                                                                                                          | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK).                                                                    |
| Quá trình công tác:                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                      |
| 04/2003 đến 02/2007                                                                                                                                                                                                           | Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore.                                                                                                |
| 02/2007 đến 03/2009                                                                                                                                                                                                           | Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam.                                                                                    |
| 04/2009 đến 12/2010                                                                                                                                                                                                           | Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.                                                                                   |
| 12/2010 đến 07/2011                                                                                                                                                                                                           | Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.                                                                           |
| 07/2011 đến 04/2012                                                                                                                                                                                                           | Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.                                                                         |
| 05/2012 đến 03/2015                                                                                                                                                                                                           | Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.                                                                    |
| 04/2015 đến 05/2015                                                                                                                                                                                                           | Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào).       |
| 06/2015 đến 06/2016                                                                                                                                                                                                           | Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK).                                                                |
| 07/2016 đến 12/2016                                                                                                                                                                                                           | Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ).                                                     |
| 01/2017 đến nay                                                                                                                                                                                                               | Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt.<br><br>Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam. |
| Chức vụ hiện tại:                                                                                                                                                                                                             | Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                                                     |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác                                                                                                                                                                                       | Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.                                                            |
| Số cổ phần nắm giữ:                                                                                                                                                                                                           | Không có.                                                                                                                            |
| Sở hữu của người có liên quan                                                                                                                                                                                                 | Không có.                                                                                                                            |
| Lợi ích liên quan đối với BVBank:                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                      |
| <ul style="list-style-type: none"><li>• Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và</li></ul> |                                                                                                                                      |



những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên                  | Mối quan hệ     | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|----------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Phạm Quang Khánh | Thành viên HĐQT | Tiền gửi/ Tiết kiệm         | 6                                       | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                      |                 |                             | 4                                       | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                      |                 |                             | 59                                      | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong năm như sau:

| Thù lao cơ bản        | Lợi ích khác |                 |
|-----------------------|--------------|-----------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu |
| 296                   | Không có     | Không có        |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.  
Những người có liên quan: Không có.

**13.2. Ban Tổng Giám đốc**

**13.2.1. Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**

Thông tin chi tiết đã được trình bày tại phần 13.1. Hội đồng quản trị.

**13.2.2. Phó Tổng Giám đốc**

**a. Bà Văn Thành Khánh Linh**

Họ và tên: **VĂN THÀNH KHÁNH LINH**  
Giới tính: Nữ.  
Ngày tháng năm sinh: 1979.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Thương mại

quốc tế tại Geneva, Thụy Sĩ

Quá trình công tác:

04/2002 - 09/2004: Chuyên viên Pháp lý Tổng Cty XDCTGT 5 – Chi nhánh Miền Nam.

09/2004 - 03/2007: Chuyên viên Pháp lý Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

03/2007 - 10/2008: Chuyên viên Pháp lý Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

10/2008 - 07/2009: Trưởng Bộ phận Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

07/2009 - 06/2010: Phó Phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

07/2010 - 02/2013: Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

03/2013 - 12/2013: Trưởng phòng Pháp chế - Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

01/2014 - 07/2015: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro & Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

08/2015 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bản Việt.

15/06/2023 - Nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 6.324.483 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,146%), trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.324.483 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,146%).
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên                     | Mối quan hệ | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|-------------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Bà Văn Thành Khánh Linh | Phó TGD     | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 3.807                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                         |             |                             | 2.930                                   | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
|                         |             | Mua giấy tờ có giá          | 1.100                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                         |             |                             | 1.800                                   | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 1.571                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CDHH |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Võ Xuân Nam

**b. Ông Phan Việt Hải**

Họ và tên: **PHAN VIỆT HẢI.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1979.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật điện và máy tính, Đại học RMIT - Úc

Quá trình công tác:

12/2001 – 02/2004: Phó Phòng CNTT Sở Khoa học Công nghệ Tp. HCM.

02/2004 – 06/2005: Quyền Trưởng Phòng CNTT Sở Thông tin và Truyền



|                                         |                                                                                           |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         | thông Tp. HCM.                                                                            |
| 03/2007 – 06/2010:                      | Trưởng Phòng Tư vấn CNTT KPMG Việt Nam.                                                   |
| 06/2010 – 11/2012:                      | Trưởng Phòng cao cấp Kiểm soát CNTT và Quản lý tài sản CNTT Bảo hiểm Prudential Việt Nam. |
| 11/2012 - 12/2013:                      | Trưởng Phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                       |
| 01/2014 - 07/2016:                      | Trưởng Phòng Hạ tầng Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                             |
| 07/2016 - 14/06/2023:                   | Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                |
| 15/06/2023 - Nay:                       | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                |
| Chức vụ hiện tại:                       | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.                                                |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không có.                                                                                 |
| Số cổ phần nắm giữ:                     | 8.252.321 cổ phiếu (chiếm 1,495%).                                                        |
| - Sở hữu cá nhân:                       | 8.252.321 cổ phiếu (chiếm 1,495%).                                                        |
| - Đại diện sở hữu:                      | Không có.                                                                                 |
| Sở hữu của người có liên quan           | Không có.                                                                                 |

Lợi ích liên quan đối với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên               | Mối quan hệ | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|-------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Phan Việt Hải | Phó TGD     | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 4.033                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                   |             |                             | 1.440                                   | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                 |
|-----------------------|--------------|-----------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu |

|       |          |                               |
|-------|----------|-------------------------------|
| 2.100 | Không có | 15% bằng cổ phiếu cho<br>CĐHH |
|-------|----------|-------------------------------|

Các khoản nợ đối với BVBank Không.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng Không có.  
Những người có liên quan: Không có

**c. Ông Nguyễn Thanh Tú**

Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÚ**  
Giới tính: Nam Nam  
Năm sinh: 1983 1983  
Quốc tịch: Việt Nam Việt Nam  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Quốc tế, Đại học Leeds Beckett –  
Vương Quốc Anh  
Quá trình công tác:  
05/2007 - 04/2009: Nhân viên Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Gia  
Định  
04/2009 – 01/2012: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng  
TMCP Gia Định  
01/2012 - 04/2016: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng  
TMCP Bản Việt  
04/2016 - 06/2019: Trưởng văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt  
06/2019 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt  
15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt  
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có  
Số cổ phần nắm giữ (đến hiện tại): 7.422.097 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,345%), trong đó:  
Sở hữu cá nhân: 7.422.097 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ  
1,345%)

Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

Sở hữu của người có liên quan: Bà Nguyễn Trần Thanh Trúc (chị ruột) sở hữu 4.216.665 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,764%.

Lợi ích liên quan với BVBank:

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

| STT | Tên                                                       | Mối quan hệ        | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| 1   | Nguyễn Thanh Tú                                           | Phó TGD            | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 3.108                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                                           |                    |                             | 3.074                                   | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
| 2   | Công ty cổ phần Gold Coast Retail                         | Đại diện pháp luật | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 83                                      | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                                           |                    |                             | 77                                      | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
| 3   | Công ty cổ phần Seven System Việt Nam                     | Cổ đông sáng lập   | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 31.831                                  | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                                           |                    |                             | 53.349                                  | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |
|     |                                                           |                    | Cho vay                     | 83.911                                  | 2023                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                                           |                    |                             | 91.181                                  | 2024                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2024 |
| 4   | Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - BVBank | Chủ tịch           | Tiền gửi/tiết kiệm          | 134.825                                 | 2023                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2023 |
|     |                                                           |                    |                             | 134.880                                 | 2024                | HĐQT                         | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 1.541                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CDHH |



Các khoản nợ đối với BVBank: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có  
Những người có liên quan: Không có

**d. Ông Lê Văn Bé Mười**

Họ và tên: **LÊ VĂN BÉ MƯỜI.**  
Giới tính: Nam.  
Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Trình độ học vấn: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.  
  
Quá trình công tác:  
09/2006 – 10/2012 Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang.  
11/2012 – 10/2013 Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang.  
11/2013 – 04/2017 Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.  
05/2017 – Đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.  
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.  
Số cổ phần nắm giữ: 6.513.626 cổ phần, chiếm 1,18% vốn điều lệ.  
- Sở hữu cá nhân: 6.613.626 cổ phần, chiếm 1,18% vốn điều lệ  
- Đại diện sở hữu: Không có.  
  
Sở hữu của người có liên quan: Không có.  
Lợi ích liên quan đối với BVBank

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên                | Mối quan hệ | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|--------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Lê Văn Bé Mười | Phó TGD     | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 53                                      | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                    |             |                             | 62                                      | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                    |             |                             | 119                                     | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 2.153                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CDHH |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.

### 13.3. Ban Kiểm soát

#### 13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: PHAN THỊ HỒNG LAN.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 07/11/1967.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

Quá trình công tác:

1986 – 1990 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế.

1990 – 1995 Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo.

1995 – 1997 Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady.

1997 – 2007 Kế toán tổng hợp Cty LD American Home.

2007 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt.

2011 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty CP Pi Capital.

2010 - 3/2013 Kế toán trưởng Cty TNHH Giáo dục Bản Việt.

4/2013 - đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên                  | Mối quan hệ | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|----------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Bà Phan Thị Hồng Lan | Trưởng BKS  | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 219                                     | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                      |             |                             | 918                                     | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                      |             |                             | 82                                      | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Thù lao               | Lợi ích khác |                 |
|-----------------------|--------------|-----------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu |
| 1.186                 | Không có     | Không có        |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân Không có.  
hàng:

Những người có liên quan: Không có.

**13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **LÊ HOÀNG NAM.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 07/10/1974.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng. Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

Quá trình công tác:

1992 – 1995 Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng.

4/1996 - 6/2009 Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM.

7/2009 - 7/2012 Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM.

8/2012 - 01/2013 Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt.

01/2013 - 3/2014 Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

04/2014 – đến nay Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 31/12/2024:

| Tên              | Mối quan hệ    | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|------------------|----------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Ông Lê Hoàng Nam | Thành viên BKS | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 42                                      | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                  |                |                             | 2                                       | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                  |                |                             | 24                                      | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Thù lao               | Lợi ích khác |                 |
|-----------------------|--------------|-----------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu |
| 367                   | Không có     | Không có        |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.

**13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH THÚY.

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 31/01/1973.

Quốc tịch: Việt Nam.

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Quá trình công tác:

|                 |                                                           |
|-----------------|-----------------------------------------------------------|
| 10/1992-12/1996 | Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP HCM.                  |
| 12/1996-07/2004 | Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.                          |
| 07/2004-07/2006 | Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định. |
| 03/2012-12/2013 | Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt.       |

12/2013-10/2014 Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.

10/2014-10/2015 Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.

10/2015- 08/2020 Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.

08/2020- đến nay Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ: Không có.

Sở hữu của người có liên quan Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến ngày 31/12/2024:

| Tên                      | Mối quan hệ    | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú              |
|--------------------------|----------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | Tiền gửi/Tiết kiệm          | 6                                       | 2022                |                              | Số dư tại 31/12/2022 |
|                          |                |                             | 1.579                                   | 2023                |                              | Số dư tại 31/12/2023 |
|                          |                |                             | 990                                     | 2024                |                              | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Thù lao               | Lợi ích khác |                 |
|-----------------------|--------------|-----------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu |
| 560                   | Không có     | Không có        |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.



**13.4. Kế toán trưởng**

Họ và tên: **LÝ CÔNG NHA.**

Giới tính: **Nam.**

Ngày tháng năm sinh: **01/11/1967.**

Quốc tịch: **Việt Nam.**

Trình độ học vấn: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.**

Quá trình công tác:

04/1994 – 07/2006 **Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau.**

08/2006 – 08/2009 **Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.**

09/2009 – 03/2010 **Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.**

03/2010 – 03/2011 **Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định.**

04/2011 – 03/2017 **Phó GD CN Ngân hàng BD Liên Việt – CN Chợ Lớn.**

03/2017 – Đến nay **Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.**

Chức vụ hiện tại: **Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.**

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác **Không có.**

Số cổ phần nắm giữ: **5.960.368 cổ phần, chiếm 1,08% vốn điều lệ.**

- Sở hữu cá nhân: **5.960.368 cổ phần, chiếm 1,08%.**

- Đại diện sở hữu: **Không có.**

Sở hữu của người có liên quan **Không có.**

Lợi ích liên quan đối với BVBank

- Thông tin về giao dịch giữa Tổ chức niêm yết, công ty con của Tổ chức niêm yết, công ty do Tổ chức niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến ngày 31/12/2024:

| Tên | Mối quan hệ | Tên hợp đồng/loại giao dịch | Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng) | Thời điểm giao dịch | Cấp có thẩm quyền chấp thuận | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|---------|
|-----|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------|------------------------------|---------|

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

|                 |                |                        |       |      |  |                      |
|-----------------|----------------|------------------------|-------|------|--|----------------------|
| Ông Lý Công Nha | Kế toán trưởng | Tiền gửi/<br>Tiết kiệm | 2.624 | 2022 |  | Số dư tại 31/12/2022 |
|                 |                |                        | 1.231 | 2023 |  | Số dư tại 31/12/2023 |
|                 |                |                        | 1.524 | 2024 |  | Số dư tại 31/12/2024 |

- Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

| Tiền lương            | Lợi ích khác |                            |
|-----------------------|--------------|----------------------------|
| Năm 2024 (triệu đồng) | ESOP         | Thưởng cổ phiếu            |
| 1.510                 | Không có     | 15% bằng cổ phiếu cho CĐHH |

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.

**14. Tài sản:**

**14.1 Tài sản cố định hữu hình:**

**Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục                      | 31/12/2023 |                 | 31/12/2024 |                 | 31/03/2025 |                 |
|-------------------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|                               | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| Nhà cửa, vật kiến trúc        | 247        | 216             | 339        | 301             | 339        | 301             |
| Máy móc thiết bị              | 260        | 116             | 298        | 132             | 298        | 131             |
| Phương tiện vận chuyển        | 189        | 98              | 200        | 91              | 200        | 92              |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 7          | 4               | 7          | 3               | 7          | 3               |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 61         | 38              | 64         | 37              | 64         | 37              |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>764</b> | <b>472</b>      | <b>908</b> | <b>564</b>      | <b>908</b> | <b>563</b>      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục                      | 31/12/2023 |                 | 31/12/2024 |                 | 31/03/2025 |                 |
|-------------------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|                               | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| Nhà cửa, vật kiến trúc        | 247        | 216             | 339        | 302             | 339        | 301             |
| Máy móc thiết bị              | 260        | 116             | 298        | 132             | 298        | 131             |
| Phương tiện vận chuyển        | 189        | 98              | 200        | 91              | 200        | 92              |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 7          | 4               | 7          | 3               | 7          | 3               |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 61         | 38              | 64         | 37              | 64         | 37              |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>764</b> | <b>472</b>      | <b>908</b> | <b>565</b>      | <b>908</b> | <b>563</b>      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**14.2 Tài sản cố định vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục             | 31/12/2023   |                 | 31/12/2024   |                 | 31/03/2025   |                 |
|----------------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|
|                      | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại |
| Quyền sử dụng đất    | 883          | 850             | 810          | 773             | 810          | 773             |
| Phần mềm máy vi tính | 354          | 181             | 384          | 196             | 384          | 195             |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>1.237</b> | <b>1.031</b>    | <b>1.195</b> | <b>969</b>      | <b>1.195</b> | <b>968</b>      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)

**Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục             | 31/12/2023   |                 | 31/12/2024   |                 | 31/03/2025   |                 |
|----------------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|
|                      | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại |
| Quyền sử dụng đất    | 883          | 850             | 810          | 773             | 810          | 773             |
| Phần mềm máy vi tính | 354          | 181             | 384          | 196             | 384          | 195             |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>1.237</b> | <b>1.031</b>    | <b>1.195</b> | <b>969</b>      | <b>1.195</b> | <b>968</b>      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất tự lập Q1.2025)



**15. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo**

**Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2025**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu             | Năm 2025 |                              |
|----------------------|----------|------------------------------|
|                      | Kế hoạch | % tăng/giảm so với năm trước |
| Tổng tài sản         | 122.000  | 18%                          |
| Huy động khách hàng  | 91.431   | 22%                          |
| Dư nợ cấp tín dụng   | 80.459   | 18%                          |
| Lợi nhuận trước thuế | 550      | 41%                          |
| Tỷ lệ nợ xấu         | < 3%     | 2,6%                         |

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2025:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của BVBank đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của BVBank thông qua ngày 24/04/2025.

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận:**

Với nhận định năm 2025 được dự báo là một năm có nhiều cơ hội lẫn thách thức, nền kinh tế trong nước đang có nhiều chuyển biến tích cực, cơ cấu nền kinh tế đang có sự chuyển dịch, các ngành về dịch vụ, du lịch, đầu tư công đang được mở rộng và thúc đẩy nhanh chóng,... tạo ra nhiều cơ hội phát triển, tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay trên thế giới lại đang có nhiều bất ổn về địa chính trị; chính sách thuế quan của Mỹ cũng đang tác động tiêu cực đến nhiều nước đang là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, nên cũng tạo ra nhiều thách thức cho nền kinh tế, do vậy năm 2025, HĐQT định hướng chỉ đạo tiếp tục thực hiện phát triển trên cơ sở thận trọng và tăng trưởng có chọn lọc; tăng cường công tác quản lý rủi ro, công tác quản lý và thu hồi nợ; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng phát triển bền vững phù hợp theo định hướng của BVBank; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ tốt hơn cho khách hàng; đầu tư hợp lý cho công nghệ thông tin để vừa đảm bảo an toàn hoạt động, phòng ngừa rủi ro, đồng thời khai thác tốt hơn nữa nên tăng ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia, phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý, phát triển khách hàng,...

Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro
  - ✓ Tiếp tục chú trọng xây dựng kế hoạch tăng trưởng trên từng nhóm khách hàng, đối tượng cụ thể, phù hợp với quy mô và năng lực bán hàng của BVBank.
  - ✓ Tối ưu hóa chi phí hoạt động hiệu quả.
  - ✓ Tích cực thu hồi nợ quá hạn để hoàn các khoản lãi đang treo ngoại bảng và dự phòng.

- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 23 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2024.
- Khách hàng Cá nhân:
  - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: đẩy mạnh phát triển hệ khách hàng qua các kênh số hóa; tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintechs, ...
  - ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; phát triển các sản phẩm đặc thù theo phân khúc khách hàng, ưu tiên cải tiến vận hành nhanh gọn và trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên cải tiến các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh số hóa.
  - ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm, kỳ hạn gửi, địa bàn phù hợp định hướng phân tán rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
  - ✓ Xây dựng lại định hướng kinh doanh hướng đến việc xác định rõ phân khúc khách hàng mục tiêu, phân nhóm khách hàng và chính sách tín dụng đối với từng phân khúc/phân nhóm khách hàng.
  - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại khách hàng SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương/ngành.
  - ✓ Am hiểu sâu hơn đến ngành/tiểu ngành các nhóm khách hàng để phân nhóm khách hàng, điều kiện tín dụng, điều kiện vận hành và giám sát sau phù hợp hướng để sự chuẩn hóa và tinh gọn công tác vận hành tín dụng.
  - ✓ Phát triển khách hàng mới qua kênh số/kênh đối tác đang có quan hệ với BVBank nhằm tăng thu nhập thông qua tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn và tiết giảm chi phí giá vốn.
  - ✓ Tăng trưởng thu nhập thông qua các sản phẩm dịch vụ, bán thêm cho khách hàng hiện hữu, bán chéo sản phẩm khách hàng cá nhân.
  - ✓ Tối ưu hóa mô hình bán theo hướng tập trung hóa/chuyên môn hóa tại địa bàn các đô thị lớn như: Tp. HCM, Hà Nội, Đà Nẵng dưới sự dẫn dắt của đội ngũ quản lý có năng lực tốt nhằm cải thiện năng suất và quy mô trên từng đơn vị kinh doanh, giảm thiểu chi phí hoạt động.
  - ✓ Xây dựng khung năng lực, lộ trình nghề nghiệp, lộ trình đào tạo để cải thiện năng suất của lực lượng bán.
  - ✓ Vận hành hệ thống CRM để quản lý toàn diện mối quan hệ khách hàng nhằm khai thác tối đa tiềm năng, thu nhập khách hàng mang lại cho BVBank.
  - ✓ Tối ưu hóa công tác quản trị nợ. Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay ... để đồng hành cùng Khách hàng qua giai đoạn khó khăn hiện nay.
  - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các



dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.

- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác thị trường:
  - ✓ Dịch vụ thu hộ/chi hộ Open API.
  - ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác.
  - ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.

❖ **Kết quả đạt được đến Quý 1/2025**

Tính đến ngày 31/3/2025, tổng tài sản của BVBank vượt mốc 110.100 tỷ đồng, tăng 6,4% so với đầu năm. Động lực đến từ việc đẩy mạnh hoạt động tín dụng cá nhân – SME và củng cố nền tảng huy động vốn vững chắc. Dư nợ cho vay khách hàng đạt hơn 71.700 tỷ đồng, tăng 5,4% so với đầu năm, trong đó chiếm hơn 76% quy mô cho vay là phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về huy động vốn, BVBank ghi nhận tổng vốn huy động đạt hơn 102.000 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, tiền gửi khách hàng từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt gần 83.500 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ và 11% so với đầu năm, chủ yếu đến từ phân khúc nhỏ lẻ góp phần duy trì nguồn vốn ổn định và đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cho vay trong năm 2025.

Trong xu thế cạnh tranh lãi suất cho vay và thu hẹp chênh lệch lãi suất NIM, tổng thu nhập của BVBank quý I/2025 đạt 557 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ. Thu nhập lãi thuần là nguồn đóng góp chủ lực, đạt trên 500 tỷ đồng, tăng 7% nhờ quy mô cho vay tăng trưởng. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế tăng 1,7 lần so với cùng kỳ nhờ đẩy mạnh doanh số giao dịch (tăng trưởng 20%).

Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong quý là 144 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2024. Kết thúc quý I/2025, lợi nhuận trước thuế ghi nhận 80 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ và hoàn thành 15% mục tiêu năm 2025.

Đầu năm 2025, BVBank tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ trong vận hành, dịch vụ tài chính đa kênh và các giải pháp thanh toán số. Số lượng khách hàng tiếp tục tăng 30% so với cùng kỳ 2024 và số lượng giao dịch trên kênh số tăng gấp 3 lần là minh chứng rõ nét cho hiệu quả trong hoạt động chuyển đổi số của BVBank.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của BVBank.

Dựa trên kết quả kinh doanh của BVBank qua các năm 2022, năm 2023 và đặc biệt là năm 2024, khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, cùng với việc



áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, ngoại trừ trường hợp không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 mà BVBank đưa ra là có thể thực hiện được và có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, do đó các nhà đầu tư cần tự nghiên cứu một cách cẩn trọng và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định đầu tư của mình.

## **17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết**

### **17.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn**

Tính đến thời điểm 12/05/2025, số dư trái phiếu BVBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 2.722,93 tỷ đồng là trái phiếu phát hành ra công chúng và không có trái phiếu phát hành riêng lẻ, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

| Mã trái phiếu    | Ngày phát hành | Giá trị (tỷ đồng) | Kỳ hạn |
|------------------|----------------|-------------------|--------|
| BVB124020        | 10/09/2024     | 1.468,55          | 6 năm  |
| BVB125003        | 06/01/2025     | 1.254,38          | 6 năm  |
| <b>Tổng cộng</b> |                | <b>2.722,93</b>   |        |

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

Cho đến nay, BVBank luôn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn. Hiện tại, Ngân Hàng không có trái phiếu chuyển đổi.

### **17.2. Các cam kết chưa thực hiện khác**

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 31/03/2025 của BVBank như sau:

#### **Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| Khoản mục                     | Hợp nhất   |            |            | Riêng lẻ   |            |            |
|-------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                               | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
| 1. Bảo lãnh vay vốn           | 1          | 3,2        | 3,2        | 1          | 3,2        | 3,2        |
| 2. Cam kết giao dịch hối đoái | 12.399     | 23.959     | 12.273     | 12.399     | 23.959     | 12.273     |

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

|                                |       |        |       |       |        |       |
|--------------------------------|-------|--------|-------|-------|--------|-------|
| - Cam kết mua ngoại tệ         | 2.188 | 4.886  | 3.579 | 2.188 | 4.886  | 3.579 |
| - Cam kết bán ngoại tệ         | 2.171 | 4.882  | 3.579 | 2.171 | 4.882  | 3.579 |
| - Cam kết giao dịch hoán đổi   | 8.040 | 14.191 | 5.115 | 8.040 | 14.191 | 5.115 |
| 3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 4     | 22     | 17    | 4     | 22     | 17    |
| 4. Bảo lãnh khác               | 756   | 874    | 896   | 756   | 874    | 896   |
| 5. Cam kết khác                | 18    | 33     | 50    | 18    | 33     | 50    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC tự lập Quý 1.2025 (Riêng và Hợp nhất)

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

#### **IV. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT:**

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank.

##### **1. Loại trái phiếu:**

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo, là Nợ thứ cấp và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo quy định pháp luật hiện hành;

##### **2. Tên trái phiếu:**

Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2024-2025 (Đợt 2)

##### **3. Mã trái phiếu**

BVB125003

##### **4. Mệnh giá:**

100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu

##### **5. Số lượng trái phiếu niêm yết:**

12.543.800 (mười hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm) trái phiếu.

##### **6. Tổng giá trị trái phiếu niêm yết tính theo mệnh giá**

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá là: 1.254.380.000.000 (Một nghìn hai trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng)

##### **7. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết**

Không có

##### **8. Ngày phát hành**

06/01/2025 (“Ngày Phát Hành”)

##### **9. Ngày Đáo hạn**

06/01/2031 (“Ngày Đáo Hạn”)

##### **10. Kỳ hạn**

06 (sáu) năm kể từ Ngày Phát Hành

##### **11. Xếp hạng tín nhiệm**

Không có

##### **12. Mục đích phát hành trái phiếu và thực tế sử dụng vốn**



Ngân hàng Bản Việt phát hành trái phiếu ra công chúng nhằm mục đích bổ sung vốn cho vay trung dài hạn dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, thỏa mãn các điều kiện bổ sung vốn cấp 2 theo thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Tổng giá trị trái phiếu BVBank đã phát hành trong Đợt 2 là 1.254,38 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 11/03/2025, BVBank đã sử dụng 218,5 tỷ đồng số tiền thu được trong tổng giá trị trái phiếu đã phát hành Đợt 2, còn lại 1.035,88 tỷ đồng chưa sử dụng theo Báo cáo kiểm toán độc lập do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành ngày 12/03/2025 về kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 – 2025 (Đợt 2) cho kỳ kế toán từ ngày 16/01/2025 đến ngày 11/03/2025 của BVBank.

### **13. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu:**

#### **13.1. Lãi suất:**

- Lãi suất năm đầu tiên (lãi suất cố định): 8,2%/năm (tám phẩy hai phần trăm trên một năm).
- Lãi suất từ năm thứ 2 (lãi suất thả nổi): Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.

Trong đó:

- ✓ **Lãi Suất Tham Chiếu:** là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”) tại ngày xác định lãi suất. Trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân hàng tham chiếu đó đặt hội sở chính.
- ✓ **Ngày Xác Định Lãi Suất:** là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi và được thông báo trên Website của BVBank trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất.
- ✓ Để làm rõ, các số liệu về lãi suất sẽ được làm tròn theo nguyên tắc như sau:
  - *Lãi suất tham chiếu: sẽ được làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân (nếu có).*
  - *Nguyên tắc làm tròn đến 02 (hai) chữ số ở phần thập phân như sau: nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân lớn hơn hoặc bằng 5 thì làm tròn lên, nếu chữ số thứ 03 (ba) ở phần thập phân nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống.*
- Ngày trả lãi đầu tiên: 06/01/2026.
- Lãi suất Trái Phiếu trong trường hợp thanh toán trước hạn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

### 13.2. Xác định tiền lãi trái phiếu:

- Tổng tiền lãi Trái Phiếu được hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Tổ chức niêm yết mua lại Trái Phiếu trước hạn, sẽ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu năm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

- Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc ngày Tổ chức niêm yết mua lại Trái Phiếu trước hạn. Trong trường hợp tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ chức niêm yết thì khi đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại (kể cả trước và sau khi có phán quyết) từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên các khoản phải trả (trừ các khoản lãi) chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong trường hợp chậm thanh toán các khoản phải trả} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái phiếu đang nắm giữ hoặc giá trị các khoản phải trả} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm thanh toán}}{365}$$

- Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ chức niêm yết thì Tổ chức niêm yết phải thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền phạt} = \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \text{Số ngày quá hạn trả lãi Trái Phiếu/365} \times \text{Số dư lãi Trái Phiếu chậm trả}}$$

- Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ chức niêm yết không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái



Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ chức niêm yết hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ chức niêm yết hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.

- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm việc tiếp theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.
- Đối với việc ngừng thanh toán tiền lãi trái phiếu:
  - ✓ Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ chức niêm yết được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ chức niêm yết bị lỗ (“Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ chức niêm yết tạm ngừng thanh toán tiền lãi là “Kỳ Tạm Ngừng” thanh toán tiền lãi đó.
  - ✓ Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ chức niêm yết thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
  - ✓ Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán là Lãi Suất của Trái Phiếu tương ứng (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

#### **14. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu:**

- Lãi được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần.

Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau, định kỳ mỗi năm một lần vào ngày tròn (01) năm liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.
- Gốc được trả một lần khi đến hạn hoặc ngày mua lại trước hạn theo quy định.

Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại phù hợp với Điều Khoản, Điều Kiện Trái Phiếu.



- Ngày phát hành: 06/01/2025.
- Ngày đáo hạn: 06/01/2031.
- Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn.
- Lãi suất năm đầu cố định: 8,2%/năm (tám phẩy hai phần trăm).  
 Lãi suất năm từ năm thứ 2: Lãi suất tham chiếu+ biên độ 2,5%

Các thông số tính toán được xác định như sau:

- Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 31/05/2025.
- Số kỳ hưởng lãi và nhận lãi còn lại (n): 6 (sáu) kỳ, ngày nhận lãi là các ngày 06/01/2026, 06/01/2027, 06/01/2028, 06/01/2029, 06/01/2030 và 06/01/2031.
- Phương pháp tính ngày: Số ngày năm giữ thực tế của năm dương lịch/365.
- Lợi suất kỳ vọng (giả sử bằng với lãi suất cố định): 8,2%/năm (tám phẩy hai phần trăm một năm).

| Kỳ thanh toán                   | 1        | 2        | 3        | 4        | 5        | 6        |
|---------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|                                 | 6/1/2026 | 6/1/2027 | 6/1/2028 | 6/1/2029 | 6/1/2030 | 6/1/2031 |
| Lãi suất                        | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     |
| Dòng tiền lãi ( $CF_t$ )        | 8.200    | 8.200    | 8.200    | 8.200    | 8.200    | 8.200    |
| Tiền gốc trái phiếu             | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 100.000  |
| Số ngày năm giữ thực tế (n)     | 220      | 585      | 950      | 1.316    | 1.681    | 2.046    |
| Lợi suất trái phiếu kỳ vọng (k) | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     | 8,2%     |

Với các đặc điểm của trái phiếu và giả định nêu trên, giá của trái phiếu tại ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến là:

$$PV = \frac{8.200}{(1+8,2\%)^{220/365}} + \frac{8.200}{(1+8,2\%)^{585/365}} + \frac{8.200}{(1+8,2\%)^{950/365}} + \frac{8.200}{(1+8,2\%)^{1316/365}} + \frac{8.200}{(1+8,2\%)^{1681/365}} + \frac{108.200}{(1+8,2\%)^{2046/365}}$$

$$PV = 7.820 + 7.227 + 6.679 + 6.172 + 5.704 + 69.561 = 103.163 \text{ (đồng/trái phiếu)}$$

#### 17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa)

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield to Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của trái phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức tính giá trái phiếu được trình bày tại mục “14 – Phương pháp tính giá” trên đây.

- BVBank gửi đến VSDC hồ sơ thực hiện quyền và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành để thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái phiếu.

#### **15. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn**

- BVBank có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã chào bán kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với tình hình thực tế.

*Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện việc mua lại, bao gồm: mệnh giá khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của BVBank trong từng thời kỳ).*

- Trong trường hợp tại ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu, BVBank có quyền mua lại một phần/toàn bộ trái phiếu của Người Sở Hữu Trái phiếu và Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại một phần/toàn bộ Trái Phiếu cho BVBank. Khi đó một phần/hoặc toàn bộ Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới sẽ được cấp lại (nếu trái phiếu bị hủy bỏ một phần).

*Để làm rõ, tại ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu, BVBank sẽ được quyền thanh toán mệnh giá khoản tiền Gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán nêu trên cho Người sở hữu trái phiếu mà không bị ràng buộc hoặc giới hạn bởi bất cứ lý do nào, đồng thời Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ mặc nhiên nhận được mệnh giá khoản tiền Gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán do mình sở hữu.*

- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại: Tối thiểu là ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành. TGD hoặc Người được TGD ủy quyền quyết định Ngày thực hiện quyền mua lại của mỗi đợt chào bán.

**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Đợt 2: là ngày tròn 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày phát hành.**

**Tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Đợt 2, BVBank có quyền mua lại tối đa toàn bộ Trái phiếu của Người Sở Hữu Trái phiếu và Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại số lượng Trái Phiếu tương ứng cho BVBank.**

- BVBank sẽ thông báo việc mua lại và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của BVBank mà không do lỗi của BVBank hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho BVBank (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho BVBank và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái



Phiếu được ghi nhận tại BVBank hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

- Trong phạm vi các Văn bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan yêu cầu, BVBank sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

#### **16. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa)**

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường. Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư. Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- $PV$ : là giá của trái phiếu
- $FV$ : là Mệnh giá (gốc) của trái phiếu
- $CF_i$ : là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ tại trả lãi thứ  $i$
- $n$ : là số kỳ trả lãi còn lại của trái phiếu
- $k$ : là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất trái phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các nhà đầu tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau.

Để tính giá trái phiếu, nhà đầu tư có thể tham khảo các bước sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế;
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phòng theo mô hình phù hợp (nếu có).
- (4) Xác định mức lãi suất trái phiếu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự, có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (5) Lựa chọn phương thức tính ngày phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản;
- (6) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

#### **Ví dụ minh họa:**

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.



$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

**Ví dụ minh họa:**

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.
- Ngày phát hành: 06/01/2025.
- Ngày đáo hạn: 06/01/2031.
- Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn.
- Lãi suất cố định: 8,2%/năm (tám phẩy hai phần trăm một năm).

Các thông số tính toán được xác định như sau:

- Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 31/05/2025.
- Giá giao dịch dự kiến: 103.163 (đồng/trái phiếu).

Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$103.163 = \frac{8.200}{(1+k\%)^{220/365}} + \frac{8.200}{(1+k\%)^{583/365}} + \frac{8.200}{(1+k\%)^{950/365}} + \frac{8.200}{(1+k\%)^{1316/365}} + \frac{8.200}{(1+k\%)^{1618/365}} + \frac{108.200}{(1+k\%)^{2046/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy:  $k = 8,2\%$  Do đó,  $YTM = 8,2\%$ .

**18. Phương pháp thực hiện quyền:**

Không áp dụng.

**19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:**

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước đến nay. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Giá trị trái phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại.

Khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm trị hiện tại của trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm

tăng giá trị trái phiếu. Có thể nhận định rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của trái phiếu. Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn trái phiếu không có biến động bất thường, Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

**20. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo:**

Không có.

**21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Đối với loại trái phiếu do BVBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài

**22. Các loại thuế có liên quan:**

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

**22.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân:**

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi trái phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

**22.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp:**

- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016

**BẢN CÁO BẠCH**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

---

- Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.



**V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:**

**1. Tổ chức kiểm toán:**

**CÔNG TY TNHH ERNST& YOUNG VIỆT NAM**

- ✓ Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại: (84-28) 3824 5252 Fax: (84-28) 3824 5250

**2. Tổ chức tư vấn:**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

- ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

**VI. PHỤ LỤC**

- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992 và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt;
- Điều lệ hiện hành của Ngân hàng BVBank;
- Nghị quyết số 02/24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Bản Việt thông qua việc niêm yết trái phiếu và các loại chứng khoán khác phát hành ra công chúng trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Văn bản giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán 2023, 2024 và Báo cáo tài chính tự lập Quý 1/2025 (riêng và hợp nhất);
- Quyết định số 34/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 26/03/2024 của Hội đồng quản trị BVBank về việc phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 - 2025;
- Quyết định số 125/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 08/10/2024 của Hội đồng quản trị BVBank điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 - 2025;

- Quyết định số 470/24/BVBank/QĐ-TGD ngày 02/12/2024 của Tổng Giám đốc BVBank tiếp tục thực hiện kế hoạch chào bán các đợt tiếp theo và triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024-2025;
- Các tài liệu khác có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2025

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

**BVBank**  
Ngân hàng Bản Việt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ ANH TÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ QUANG TRUNG

**BVBank**  
Ngân hàng Bản Việt

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHAN THỊ HỒNG LAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÝ CÔNG NHA

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**ACBS**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hoàn